

hamhochoi.vn - DIỄN ĐÀN TÀI LIỆU, GIÁO ÁN, BÀI GIẢNG, ĐỀ THI...

30 ĐỀ KIỂM TRA VĂN 7 (3 BỘ SÁCH) NĂM HỌC 2022- 2023 CHUẨN CẤU TRÚC MỚI CÓ MA TRẬN – ĐẶC TẢ

HỌC KỲ 1:

ĐỀ 1:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	T L	TNK Q	T L	TNK Q	TL	TNKQ	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn	3	0	5	0	0	2	0		60
		Thơ (4 chữ, 5 chữ)									
2	Viết	Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

T T	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản. - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể. - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể. - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ	3TN	5TN	2TL	

		trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng: - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm.				
	Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ)	Nhận biết: - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ. - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ. - Xác định được số từ, phó từ. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng. Vận dụng: - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.				

			- Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.				
2.	Viết	Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật.	1*	1*	1*	1 TL*
Tổng				3 TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 7

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CỦ KHOAI NƯỚNG

Sau trận mưa rào vòm trời như được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn. Đã chớm hè nhưng trời vẫn lành lạnh, cái lạnh làm người ta hưng phấn và chóng đói. Thường Mạnh đi học về là đi thả trâu. Tối mịt cậu rong trâu về, đầu tưởng tượng đến một nồi cơm bốc khói nghi ngút.

Nhưng từ giờ đến tối còn lâu và cậu cần phải tìm được một việc gì đó trong khi con trâu đang mãi miết gặm cỏ. Cậu bèn ngồi đếm từng con sáo mỏ vàng đang nhảy kiếm ăn trên cánh đồng màu đã thu hoạch. Thỉnh thoảng chúng lại nghiêng ngó nhìn cậu, ý chừng muốn dò la xem "anh bạn khổng lồ" kia có thể chơi được không. Chợt Mạnh phát hiện ra một đám mầm khoai đỏ au, mập mạp, tua tủa hướng lên trời. Kinh nghiệm đủ cho cậu biết bên dưới những chiếc mầm là củ khoai lang sót. Với bất cứ đĩa trẻ trâu nào thì điều đó cũng tương đương với một kho báu. Nó bị sót lại từ trước

Tết và bây giờ nó sẽ rất ngọt. Để xem, anh bạn to cỡ nào? Không ít trường hợp bên dưới chỉ là một mẩu khoai. Nước miếng đã kịp tứa khắp chân răng khi cậu tưởng tượng đến món khoai nướng. Ruột nó trong như thạch. Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lạnh lạnh thế này. Thật may là mình đem theo lửa - cậu lẩm bẩm. Sợ niềm hy vọng đi veo mất nên cậu rón rén bới lớp đất mềm lên. Khi cậu hoàn toàn tin nó là một củ khoai thì cậu thọc sâu tay vào đất, sâu nữa cho đến khi những ngón tay cậu ôm gọn củ khoai khá bự, cậu mới từ từ lôi nó lên. Chà, thật tuyệt vời. Nó không chỉ đơn thuần là củ khoai sọt. Nó y như quà tặng, một thứ kho báu trời đất ban riêng cho cậu.

Mạnh đã có việc để làm, mà lại là một việc làm người ta háo hức. Trong chốc lát đồng cảnh khô bén lửa và đợi đến khi nó chỉ còn lớp than hồng rực Mạnh mới vùi củ khoai vào. Cậu ngồi im lắng nghe một sự dịch chuyển vô cùng tinh tế dưới lớp than, củi trắng muốt đang bị sức nóng ủ cho thành mật. Từng khoảnh khắc với Mạnh lúc này trở nên vô cùng huyền diệu. Rồi có một mùi thơm cứ đậm dần, cứ quánh lại, lan tỏa, xoắn xuýt. Cậu nhớ lại có lần bà kể, nhờ đúng một củ khoai nướng mà ông cậu thoát chết đói và sau đó làm nên sự nghiệp. Chuyện như cổ tích nhưng lại có thật. Nào, để xem sau đây cậu sẽ làm nên công trạng gì.

Chợt cậu thấy có hai người, một lớn, một bé đang đi tới. Ông già ôm theo bọc tay nải còn cậu bé thì cứ ngoái cổ lại phía làng. Cậu nhận ra hai ông cháu lão ăn mày ở xóm bên. Hôm nay, chẳng có phiên chợ sao ông cháu lão cũng ra khỏi nhà nhỉ. Vài lần giáp mặt cậu bé và thấy mặt mũi nó khá sáng sủa. Bố mẹ nó chết trong một trận lũ quét nên nó chỉ trông cậy vào người ông mù lòa. Mạnh lén trút ra tiếng thở dài khi ông cháu lão ăn mày đã đến rất gần. Có thể thấy rõ cánh mũi lão phập phồng như hà hít tìm thứ mùi vị gì đó. Cậu bé vẫn câm lặng, thỉnh thoảng lén nhìn Mạnh.

- Mùi gì mà thơm thế - ông cậu bé lên tiếng - Hẳn ai đang nướng khoai. Ngồi nghỉ một lát để ông xin lửa hút thuốc đã cháu.

Ông lão lúi húi lấy gói thuốc lòn. Thằng bé giúp ông tháo khỏi lưng chiếc túi nhỏ xíu. Mùi khoai nướng vẫn ngào ngạt và Mạnh đành ngồi chết gí, không dám động cựa. Chỉ khi ông lão nhờ, cậu mới cúi xuống thổi lửa. Chà, ông cháu lão mà ngồi dai là củ khoai cháy mất. Đã có mùi vỏ cháy. Lửa sẽ lan dần vào cho đến khi biến củ khoai thành đen thui mới thôi. Dường như đoán được nỗi khó xử của Mạnh, ông lão bảo:

- Tôi chỉ xin lửa thôi...

Mạnh như bị bắt quả tang đang làm chuyện vụng trộm, mặt đỏ lên. Nhưng ông lão mù lòa không thể nhìn thấy còn cậu bé ý tứ nhìn đi chỗ khác.

- Thôi, chào cậu nhé. Ta đi tiếp đi cháu!

Ông lật đặt đứng dậy, bám vào vai cậu bé, vội vã bước. Cậu bé lặng lẽ nhìn Mạnh như muốn xin lỗi vì đã làm khó cho cậu. Cái nhìn đĩnh đạc của một người tự trọng, không muốn bị thương hại khiến Mạnh vội cúi gầm xuống. Ôi, giá như có ba củ khoai, chỉ ít cũng là hai củ. Đứng này chỉ có một... Mạnh thấy rõ tiếng chân hai ông cháu xa dần. Nhưng chính khi ấy, khi củ khoai nóng hổi, lớp vỏ răn lại như từng gợn sóng nằm phôi ra trước mắt Mạnh, thì nỗi chờ đón háo hức lúc trước cũng tiêu tan mất. Giờ đây củ khoai như là nhân chứng cho một việc làm đáng hổ thẹn nào đó. Dù Mạnh có dối lòng rằng mình chẳng có lỗi gì sát nhưng cậu vẫn không dám chạm vào củ khoai... Hình như đã có người phải quay mặt đi vì không dám ước có được nó. Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy.

Mặc dù rong trâu về từ chiều nhưng mãi tối mịt Mạnh mới vào nhà. Giờ đây mới là lúc cậu sống trọn vẹn với cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá. Cậu nhắm mắt lại mừng rỡ tưởng giây phút cậu bé kia mở gói giấy báo ra. Nửa củ khoai khi đó sẽ khiến cậu ta liên tưởng đến phép lạ, có thể lắm chứ! Và rồi cậu thấy lâng lâng đến mức chính mình tự hỏi liệu đây có phải là giấc mơ?

(Theo truyện ngắn Tạ Duy

Anh)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Câu chuyện xảy ra vào thời điểm nào trong năm?

- A. Cuối đông
- B. Chớm hè
- C. Cuối xuân
- D. Đầu thu

Câu 2. Ai là người kể chuyện?

- A. Cậu bé Mạnh
- B. Ông lão ăn mày
- C. Một người khác không xuất hiện trong truyện
- D. Cậu bé ăn mày

Câu 3. Đây là thành phần trạng ngữ trong câu “*Sau trận mưa rào vòm trời được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn.*”?

- A. Sau trận mưa rào
- B. Vòm trời
- C. Rửa sạch
- D. Xanh và cao hơn

Câu 4. Chủ đề của truyện là gì?

- A. Lòng dũng cảm
- B. Tinh thần lạc quan
- C. Tinh thần đoàn kết
- D. Lòng yêu thương con người

Câu 5. Vì sao cậu bé Mạnh lại có “*cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá*”?

- A. Vì cậu đã chia sẻ một phần khoai nướng với cậu bé ăn mày.
- B. Vì nhận được lời cảm ơn của ông lão.
- C. Vì được thưởng thức món ăn ngon.
- D. Vì không bị lão ăn mày làm phiền.

Câu 6. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu “*Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo ra một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lạnh lạnh thế này.*”?

- A. So sánh
- B. Nhân hóa
- C. Nói quá
- D. Nói giảm nói tránh

Câu 7. Từ “*lật đật*” trong câu “*Ông lão lật đật đứng dậy.*” miêu tả hành động như thế nào?

- A. Chậm rãi, thông thả
- B. Mạnh mẽ, dứt khoát
- C. Nhẹ nhàng, khoan khoái
- D. Vội vã, tất tưởi

Câu 8. Cậu bé Mạnh có thái độ như thế nào đối với hai ông cháu lão ăn mày?

- A. Tôn trọng
- B. Coi thường
- C. Biết ơn
- D. Khinh bỉ

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Nếu em là nhân vật cậu bé Mạnh trong câu chuyện, em có cư xử với hai ông cháu lão ăn mày như nhân vật trong truyện đã làm hay không, vì sao?

Câu 10. Ghi lại một cách ngắn gọn tâm trạng của em sau khi làm được một việc tốt.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Trong các bài học, em đã được làm quen với nhiều nhân vật văn học thú vị. Hãy viết một bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	C	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	C	0,5
	7	D	0,5
	8	A	0,5
	9	- Nêu được cách cư xử của Mạnh: Cảm thông, chia sẻ và tôn trọng - Đưa ra cách cư xử của mình và lí do của cách cư xử ấy	1,0
	10	- Nêu việc tốt mà em đã làm - Ghi ngắn gọn tâm trạng sau việc làm ấy	1,0

II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học và nêu khái quát ấn tượng về nhân vật. - Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm. - Nhận xét được về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn. - Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật.	2,5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i>	0,5

		Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	
		e. Sáng tạo: Thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của bản thân về đặc điểm nhân vật; bố cục mạch lạc, lời văn thuyết phục.	0,5

ĐỀ 2:

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Thơ năm chữ (viết về mẹ)	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Phát biểu cảm nghĩ về người thân	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100

Tỉ lệ %	20	40%	30%	10%	
Tỉ lệ chung	60%		40%		

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7- THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đor n vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ n biết	Thô ng hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ năm chữ (viết về mẹ)	Nhận biết: - Thể thơ. - Đặc điểm thơ năm chữ. - Nhận biết số từ trong bài thơ Thông hiểu: - Tình cảm, cảm xúc của người con dành cho mẹ. - Hiểu được nội dung câu thơ. - Chủ đề bài thơ. - Bài thơ ca ngợi ai, về điều gì. - Xác định được biện pháp tu từ. Vận dụng: - Cảm nhận hình ảnh thơ. - Rút ra bài học từ bài thơ.	3 TN	5TN	2TL	
2	Viết	Phát biểu cảm nghĩ về người thân	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn phát biểu cảm nghĩ. Sử dụng phương thức biểu đạt chính là biểu cảm. Tình cảm phải chân thật, bài làm có sáng tạo.				1TL *
Tổng				3 TN	5TN	2 TL	1 TL

Tỉ lệ %		20	40	30	10
Tỉ lệ chung		60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

MẸ VẮNG NHÀ NGÀY BÃO

Mấy ngày mẹ về quê
Là mấy ngày bão nổi
Con đường mẹ đi về
Con mưa dài chặn lối.

Hai chiếc giường ướt một
Ba bố con nằm chung
Vẫn thấy trống phía trong
Nằm ấm mà thao thức.

Nghĩ giờ này ở quê
Mẹ cũng không ngủ được
Thương bố con vụng về
Củ mùn thì lại ướt.

Nhưng chị vẫn hái lá
Cho thỏ mẹ, thỏ con
Em thì chăm đàn ngan
Sớm lại chiều no bữa
Bố đội nón đi chợ
Mua cá về nấu chua...

Thế rồi cơn bão qua
Bầu trời xanh trở lại
Mẹ về như nắng mới
Sáng ấm cả gian nhà.

Tác giả: **Đặng Hiển.**
(Trích Hồ trong mây)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào?

- A. Thơ lục bát
- B. Thơ bốn chữ
- C. Thơ năm chữ
- D. Thơ tự do

Câu 2. Ý nào sau đây nêu lên đặc điểm của thể thơ năm chữ ?

- A. Mỗi dòng thơ có năm chữ, không giới hạn số câu.
- B. Mỗi dòng thơ có năm chữ, có giới hạn số câu.
- C. Mỗi dòng thơ có bốn chữ, không giới hạn số câu.
- D. Mỗi dòng thơ có bốn chữ, có giới hạn số câu.

Câu 3. Trong bài thơ trên có mấy số từ?

- A. Một
- B. Hai
- C. Ba
- D. Bốn

Câu 4. Tình cảm, cảm xúc của con dành cho mẹ trong bài thơ là gì?

- A. Tình cảm yêu thương và nhớ mong mẹ.
- B. Tình cảm yêu thương và biết ơn mẹ.
- C. Niềm vui sướng khi có mẹ bên cạnh.
- D. Cô đơn, trống vắng khi mẹ vắng nhà.

Câu 5. Câu thơ nào nói lên niềm vui của cả nhà khi mẹ về?

- A. Máy ngày mẹ về quê
- B. Thế rồi con bão qua
- C. Bầu trời xanh trở lại
- D. Mẹ về như nắng mới

Câu 6. Chủ đề của bài thơ này là gì?

- A. Vai trò của người mẹ và tình cảm gia đình.
- B. Tình cảm nhớ thương của con dành cho mẹ.
- C. Ca ngợi đức hạnh người phụ nữ Việt Nam.
- D. Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng.

Câu 7. Bài thơ ca ngợi ai, về điều gì ?

- A. Ca ngợi trách nhiệm nặng nề của người mẹ trong gia đình
- B. Ca ngợi đức hi sinh và tình yêu thương của mẹ.
- C. Ca ngợi sự cần cù, siêng năng, chăm chỉ của người mẹ.
- D. Ca ngợi tình cảm của những người thân trong gia đình.

Câu 8. Câu thơ nào dưới đây có hình ảnh so sánh?

- A. Con mưa dài chặn lối.
- B. Bó đội nón đi chợ.
- C. Mẹ về như nắng mới.
- D. Mẹ cũng không ngủ được

Câu 9. Cảm nhận của em về hình ảnh thơ trong hai dòng thơ cuối.

Câu 10. Hãy rút ra bài học sau khi đọc bài thơ.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của em về một người thân trong gia đình (cha, mẹ, anh, chị, em).

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**Môn: Ngữ văn lớp 7**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	C	0,5
	4	B	0,5
	5	C	0,5
	6	A	0,5
	7	B	0,5
	8	C	0,5
	9	Mẹ trở về làm cả ngôi nhà toả rạng ánh sáng của niềm vui, niềm hạnh phúc.	1,0
	10	- HS nêu được bài học từ ý nghĩa của bài thơ: <i>lòng biết ơn người mẹ đã hi sinh cho gia đình; biết đoàn kết giúp đỡ anh chị em khi gia đình gặp khó khăn.</i>	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn phát biểu cảm nghĩ	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Phát biểu cảm nghĩ về người thân	0,25
		c. Phát biểu cảm nghĩ về người thân HS có thể triển khai các ý theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	
		- Tả về ngoại hình, tuổi tác, hình dáng, gương mặt... - Tính tình. - Công việc làm hàng ngày. - Sở thích. - Cách ứng xử đối với mọi người xung quanh. - Thái độ, tình cảm của người đó đối với em. - Cảm nghĩ của em về người thân trong gia đình	2,5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn giàu cảm xúc, sáng tạo.	0,5

ĐỀ 3:**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

hamhochoi.vn - DIỄN ĐÀN TÀI LIỆU, GIÁO ÁN, BÀI GIẢNG, ĐỀ THI...
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn/ thơ (thơ bốn chữ, năm chữ)	4	0	4	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			20	5	20	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ (%)			25		35		30		10		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7
THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

T T	Kĩ năng	Nội dung/Đơ n vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ n biết	Thôn g hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1.	Đọc hiểu	Truyện ngắn/ thơ (thơ bốn chữ, năm chữ)	* Nhận biết: - Nhận biết được đặc điểm của thơ: thể thơ, từ ngữ, vần nhịp, bố cục, những hình ảnh tiêu biểu; các yếu tố sự, miêu tả được sử dụng trong thơ.	4 TN	4TN	2TL	

			- Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ; hiện tượng từ ngữ trong tiếng việt; các biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ, ... * Thông hiểu: - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ. - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. * Vận dụng: - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản. - Trình bày được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.				
2	Viết	Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả.				1 TL *
Tổng				4 TN	4TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				25	35	30	10
Tỉ lệ chung (%)				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

ĐƯA CON ĐI HỌC

Tế Hanh

*Sáng nay mùa thu sang
Cha đưa con đi học
Sương đọng cỏ bên đường*

Nắng lên ngời hạt ngọc

*Lúa đang thì ngậm sữa
Xanh mướt cao ngấp đầu
Con nhìn quanh bờ ngõ
Sao chẳng thấy trường đâu?*

*Hương lúa tỏa bao la
Như hương thơm đất nước
Con ơi đi với cha
Trường của con phía trước*

Thu 1964

*(In trong **Khúc ca mới**, Tr.32, NXB Văn học, 1966)*

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể thơ của bài thơ trên ?

- A. Tự do C. Lục bát
B. Năm chữ D. Bốn chữ

Câu 2. Hiện tượng từ ngữ nào sau đây nêu đúng mối quan hệ về nghĩa của từ “đường” trong bài thơ trên và từ "đường" trong cụm từ "Ngọt như đường"?

- A. Hiện tượng đồng âm C. Hiện tượng đồng nghĩa
B. Hiện tượng trái nghĩa D. Hiện tượng đa nghĩa

Câu 3. Ai là người bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ trong bài thơ?

- A. MẹC. Cha
B. Con D. Bà

Câu 4. Cụm từ "*nhìn quanh bờ ngõ*" thuộc cụm từ nào sau đây?

- A. Cụm danh từ C. Cụm động từ
B. Cụm tính từ D. Cụm chủ vị

Câu 5. Người cha muốn nhắn gửi điều gì với con qua hai câu thơ sau?

Con ơi đi với cha

Trường của con phía trước.

- A. Bước chân của con luôn có cha đồng hành, cha sẽ đi cùng con trên mọi chặng đường, đưa con đến những nơi tốt đẹp. Cha luôn yêu thương, tin tưởng và hi vọng ở con.
- B. Con hãy luôn luôn yêu thương, kính trọng cha mẹ. Con luôn phải có thái độ biết ơn đối với công lao sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ.
- C. Con hãy biết ơn và kính trọng mẹ kể cả lúc mẹ đã già yếu. Hãy quan tâm, thấu hiểu với những vất vả của cha.
- D. Khắc sâu tấm lòng yêu con của cha, đồng thời thể hiện sự tin tưởng, hi vọng ở con.

Câu 6. Dòng nào sau đây giải nghĩa đúng nhất tác dụng chủ yếu của biện pháp tu từ nhân hoá được sử dụng trong câu thơ "*Lúa đang thì ngậm sữa*"?

- A. Làm cho sự vật trở nên gần gũi với con người.
- B. Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm.
- C. Làm cho câu thơ giàu nhịp điệu, có hồn.
- D. Nhấn mạnh, làm nổi bật đối tượng được nói đến trong câu thơ.

Câu 7. Theo em, hình ảnh “ hạt ngọc ” được hiểu là gì?

- A. Nắng mùa thu C. Hương lúa mùa thu
- B. Gió mùa thu D. Sương trên cỏ bên đường

Câu 8. Nội dung nào sau đây nói đúng nhất chủ đề của bài thơ?

- A. Ca ngợi tình cảm của cha dành cho con.
- B. Ca ngợi tình yêu quê hương, đất nước.
- C. Thể hiện niềm vui được đưa con đến trường của người cha.
- D. Thể hiện lòng biết ơn của người con với người cha.

Câu 9. Em có cảm nhận như thế nào về tình cảm của người cha trong bài thơ?

Câu 10. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc sau khi đọc bài thơ.

II. VIẾT (4,0 điểm)

Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	A	0,5

	3	C	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	A	0,5
	7	D	0,5
	8	A	0,5
	9	- Nêu được suy nghĩ của bản thân về tình phụ tử thiêng liêng.	1,0
	10	- Hs nêu được bài học cụ thể, có ý nghĩa: + Phải luôn yêu thương, kính trọng cha mẹ. + Luôn có thái độ biết ơn đối với công lao sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ. + Học tập, rèn luyện thật tốt để mẹ cha được vui lòng + Luôn biết trân trọng những khoảnh khắc được bên mẹ, bên người thân...	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo bố cục bài văn tự sự gồm 3 phần: MB, TB, KB.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu.	0,25
		<i>c. Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu.</i> Hs có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	2.5
		- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.	0.25
		- Giới thiệu sự việc có liên quan đến nhân vật lịch sử.	0.5
		- Các sự việc chính bắt đầu - diễn biến - kết thúc.	1.5
		- Suy nghĩ của em về sự việc đó.	0.25
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo</i>	0,5

ĐỀ 4:

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	- Truyền ngữ ngôn	5	0	3	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			25	5	15	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẠC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơ n vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ n biết	Thôn g hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	- Truyện ngụ ngôn	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện. - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn. - Xác định được từ láy, số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.	5 TN	3TN	2TL	

			- Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng: - Rút ra được thông điệp / bài học / lời khuyên cho bản thân và người khác từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm. - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.				
2	Viết	Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.				1TL *
Tổng				5TN	3TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				30	30	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CHÚ LỪA THÔNG MINH

Một hôm, con lừa của bác nông dân nọ chẳng may bị sa xuống một chiếc giếng cạn. Bác ta tìm mọi cách để cứu nó lên, nhưng mấy tiếng đồng hồ trôi qua mà vẫn không được, lừa ta vẫn kêu be be thảm thương dưới giếng.

Cuối cùng, bác nông dân quyết định bỏ mặc lừa dưới giếng, bởi bác cho rằng nó cũng đã già, không đáng phải tốn công, tốn sức nghĩ cách cứu, hơn nữa còn phải lấp cái giếng này đi. Thế là, bác ta gọi hàng xóm tới cùng xúc đất lấp giếng, chôn sống lừa, tránh cho nó khỏi bị đau khổ dai dẳng.

Khi thấy đất rơi xuống giếng, lừa bắt đầu hiểu ra kết cục của mình. Nó bắt đầu kêu gào thảm thiết. Nhưng chỉ mấy phút sau, không ai nghe thấy lừa kêu la nữa. Bác nông dân rất tò mò, thò cổ xuống xem và thực sự ngạc nhiên bởi cảnh tượng trước mắt. Bác ta thấy lừa dón đất sang một bên, còn mình thì tránh ở một bên.

Cứ như vậy, mô đất ngày càng cao, còn lừa ngày càng lên gần miệng giếng hơn. Cuối cùng, nó nhảy ra khỏi giếng và chạy đi trước ánh mắt kinh ngạc của mọi người.

(Theo Bộ sách EQ- trí tuệ cảm xúc)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Em hãy cho biết văn bản “Chú lừa thông minh” thuộc loại truyện nào? (Biết)

- A. Truyện cổ tích
- B. Truyện truyền thuyết
- C. Truyện ngụ ngôn
- D. Truyện cười

Câu 2: Văn bản “Chú lừa thông minh” được kể theo ngôi thứ mấy? (Biết)

- A. Ngôi thứ ba
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ nhất số ít
- D. Ngôi thứ nhất số nhiều

Câu 3: Ban đầu, khi thấy chú lừa bị sa xuống giếng, bác nông dân đã làm gì? (Biết)

- A. Tìm cách để không bận tâm đến con lừa nữa
- B. Tìm cách để cứu lấy con lừa

C. Nhờ hàng xóm đến để giúp con lừa

D. Đến bên giếng và nhìn nó

Câu 4: Có bao nhiêu từ láy trong câu: “Nó bắt đầu kêu gào thảm thiết”? (Biết)

A. 3

B. 2

C. 1

D. 4

Câu 5: Khi thấy đất rơi xuống giếng, con lừa đã làm gì? (Biết)

A. Kêu gào thảm thiết

B. Đứng im và chờ chết

C. Cố hết sức nhảy ra khỏi giếng

D. Bình tĩnh tìm cách

Câu 6: Hãy sắp xếp các chi tiết sau theo trình tự đúng của câu chuyện “Chú lừa thông minh”? (Hiểu)

(1) Con lừa của bác nông dân bị sa chân xuống giếng, bác nông dân tìm cách cứu nó

(2) Con lừa cố gắng xoay sở

(3) Con lừa thoát ra khỏi cái giếng

(4) Cuối cùng, bác nông dân quyết định bỏ mặc nó

A. (1) (2) (3) (4)

B. (1) (4) (2) (3)

C. (3) (1) (4) (2)

D. (3) (2) (4) (1)

Câu 7: Qua văn bản “Chú lừa thông minh”, em thấy con lừa có tính cách như thế nào? (Hiểu)

A. Bình tĩnh, thông minh

B. Nhút nhát, sợ chết

C. Nóng vội, dửng dưng

D. Chủ quan, kiêu ngạo

Câu 8: Nội dung của câu chuyện “Chú lừa thông minh” là gì? (Hiểu)

A. Buông xuôi trước những khó khăn trong cuộc sống

B. Sự đoàn kết của con người và loài vật

C. Biết thích ứng với hoàn cảnh khắc nghiệt trong cuộc sống

D. Tình yêu thương giữa con người với loài vật

Câu 9: Em hãy đóng vai chú lừa trong câu chuyện để nói một câu khuyên mọi người sau khi chú thoát chết? (Vận dụng)

Câu 10: Từ câu chuyện “Chú lừa thông minh”, em có đồng tình với cách xử lý của bác nông dân không? Vì sao? (Vận dụng)

II. VIẾT (4,0 điểm)

Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. (Vận dụng cao)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	A	0,5
	8	C	0,5
	9	Học sinh có thể trả lời bằng nhiều cách, nhưng phải đưa ra được 01 lời khuyên VD: Mọi người cần bình tĩnh tìm cách giải quyết.	1,0
	10	HS có thể đưa ra quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình. HS phải lí giải hợp lí theo từng quan điểm cá nhân.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự:</i> Mở bài, thân bài, kết bài.	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Sự việc được kể lại trong văn bản là có thật và liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS triển khai sự việc theo trình tự hợp lí, cần vận dụng tốt các phương thức biểu đạt: miêu tả, tự sự.	
		- Giới thiệu sự việc có thật có liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. - Thuật lại quá trình diễn biến của sự việc - Chỉ ra mối liên quan giữa sự việc với nhân vật và sự kiện lịch sử. - Khẳng định ý nghĩa của sự việc, nêu cảm nhận của người viết.	2.5

	<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.	0,5

ĐỀ 5:

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơ n vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			T N K Q	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn/Thơ 4 chữ, 5 chữ	4	0	4	0	0	2	0		60
2	Viết	Viết bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			20	5	20	15	0	30	0	10	100

Tỉ lệ %	25%	35%	30%	10%	
Tỉ lệ chung	60%		40%		

ĐỀ

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đor n vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ n biết	Thô ng hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn/ Thơ (thơ 4 chữ, thơ 5 chữ)	* Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản; ngôi kể, đặc điểm của lời kể, sự thay đổi ngôi kể; tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn. - Nhận biết được đặc điểm của thơ: thể thơ, từ ngữ, vần nhịp, bố cục, những hình ảnh tiêu biểu; các yếu tự sự, miêu tả được sử dụng trong thơ. - Nhận biết được biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); các thành phần của câu (thành phần câu được mở rộng)	4 TN	4TN	2TL	

			- Xác định được nghĩa của từ. * Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện; nêu được chủ đề, thông điệp của văn bản; hiểu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu và cách kể; phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại. - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ; rút ra chủ đề, thông điệp của tác phẩm; phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp, biện pháp tu từ - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ, một số yếu tố Hán Việt; công dụng của dấu chấm lửng... * Vận dụng: - Thể hiện được ý kiến, quan điểm về những vấn đề đặt ra trong ngữ liệu. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.				
--	--	--	---	--	--	--	--

2	Viết	Phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học.	Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học Thông hiểu: Viết đúng về kiểu bài, về nội dung, hình thức Vận dụng: Viết được bài văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bố cục rõ ràng, mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng, làm sáng tỏ nhân vật phân tích. Vận dụng cao: Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật.				1TL *
Tổng				4 TN	4TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				25	35	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TRĂNG ƠI... TỪ ĐÂU ĐẾN?

Trần Đăng Khoa

*Trăng ơi... từ đâu đến?
Hay từ cánh rừng xa
Trăng hồng như quả chín
Lửng lơ lên trước nhà*

*Trăng ơi... từ đâu đến?
Hay từ một sân chơi
Trăng bay như quả bóng
Bạn nào đá lên trời*

*Trăng ơi... từ đâu đến?
Hay từ đường hành quân
Trăng soi chủ bộ đội
Và soi vàng góc sân*

*Trăng ơi... từ đâu đến?
Hay biển xanh diệu kì
Trăng tròn như mắt cá
Chẳng bao giờ chớp mi*

*Trăng ơi... từ đâu đến?
Hay từ lời mẹ ru
Thương Cuội không được
học
Hú gọi trâu đến giờ*

*Trăng ơi... từ đâu đến?
Trăng đi khắp mọi miền
Trăng ơi có nơi nào
Sáng hơn đất nước em...*

1968

**(Trần Đăng Khoa, Góc sân và khoảng trời,
NXB Văn hóa dân tộc)**

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Bài thơ “Trăng ơi... từ đâu đến?” được viết theo thể thơ nào?

- A. Tự do. B. Lục bát. C. Bốn chữ. **D. Năm chữ.**

Câu 2. Bài thơ có cách gieo vần như thế nào?

- A. Gieo vần lưng. **B. Gieo vần chân.**
C. Gieo vần lưng kết hợp vần chân. C. Gieo vần linh hoạt.

Câu 3. Ở khổ thơ thứ nhất, trăng được so sánh với hình ảnh nào?

- A. Quả chín.**
B. Mắt cá.
C. Quả bóng.
D. Cánh rừng xa.

Câu 4. Từ “Lửng lơ” thuộc loại từ nào?

- A. Từ ghép.
B. Từ láy.
C. Từ đồng nghĩa.
D. Từ trái nghĩa.

Câu 5. Hình ảnh vàng trăng gắn liền với các sự vật (quả chín, mắt cá, quả bóng...) cho em biết vàng trăng được nhìn dưới con mắt của ai?

- A. Bà nội.
B. Người mẹ.
C. Cô giáo.
D. Trẻ thơ.

Câu 6. Tác dụng *chủ yếu* của phép tu từ so sánh được sử dụng trong câu thơ: “Trăng bay như quả bóng” là gì ?

- A. Làm cho sự vật trở nên gần gũi với con người.
B. Nhấn mạnh, làm nổi bật đối tượng được nói đến trong câu thơ.

C. Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm.

D. Làm cho câu thơ giàu nhịp điệu, có hồn.

Câu 7. Theo em, dấu chấm lửng trong câu thơ “Trăng ơi... từ đâu đến?” có công dụng gì ?

A. Tỏ ý còn nhiều sự vật hiện tượng chưa liệt kê hết.

B. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở, hay ngập ngừng, ngắt quãng.

C. Làm giãn nhịp câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện một từ ngữ biểu thị nội dung hài hước, châm biếm.

D. Làm giãn nhịp câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ.

Câu 8. Ý nghĩa của bài thơ “Trăng ơi... từ đâu đến?” là gì ?

A. Nhân vật trữ tình yêu trăng theo cách độc đáo.

B. Trăng ở quê hương của nhân vật trữ tình là đẹp nhất.

C. Yêu mến trăng, từ đó bộc lộ niềm tự hào về đất nước của nhân vật trữ tình.

D. Ánh trăng ở quê hương nhân vật trữ tình đặc biệt, không giống ở nơi khác.

Câu 9. Em hiểu như thế nào về câu thơ “Trăng ơi có nơi nào. Sáng hơn đất nước em...”?

Câu 10. Từ tình cảm của nhân vật trữ tình trong bài thơ, hãy bộc lộ tình cảm của em với quê hương yêu, đất nước (trong đoạn văn 3 đến 5 câu).

II. VIẾT (4.0 điểm)

Trong các bài học vừa qua, em đã được làm quen với nhiều nhân vật văn học thú vị. Đó là các bạn nhỏ với tâm hồn trong sáng, tinh tế, nhân hậu như Mên, Mon (*Bầy chim chìa vôi*), An, Cò (*Đi lấy mật*)... và cả những người cha (*Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*), người thầy (*Người thầy đầu tiên*)... hết lòng yêu thương con trẻ. Những nhân vật ấy chắc hẳn đã mang đến cho em nhiều cảm xúc và ấn tượng.

Từ ấn tượng về các nhân vật ấy hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật em yêu thích.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	B	0,5
	5	D	0,5
	6	C	0,5

	7	D	0,5
	8	B	0,5
	9	HS có thể nêu cách hiểu khác nhau theo quan điểm của cá nhân, nhưng cần đảm bảo ý: Qua hình ảnh trăng, nhân vật tin rằng trăng trên đất nước mình là đẹp nhất. Nhân vật trữ tình tự hào về hình ảnh ánh trăng sáng lung linh cùng những cảnh vật tuyệt đẹp, những con người bình dị, gần gũi của đất nước mình.	1,0
	10	HS nêu được những tình cảm mà mình cảm nhận được từ bài thơ. Yêu cầu - Đảm bảo thể thức yêu cầu. - Đảm bảo nội dung theo yêu cầu	1,0 0,25 0,75
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận gồm 3 phần MB, TB, KB.	0.25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề Nghị luận về nhân vật văn học yêu thích.	0.25
		c. Phân tích đặc điểm nhân vật văn học yêu thích Học sinh có thể chọn một nhân vật văn học mình yêu thích nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: * Mở bài: - Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật phân tích. - Nêu khái quát ấn tượng về nhân vật. * Thân bài: - Lần lượt phân tích và làm sáng tỏ các đặc điểm của nhân vật dựa trên các chi tiết trong tác phẩm. + Lai lịch: nhân vật đó xuất hiện như thế nào? + Ngoại hình + Hành động và việc làm của nhân vật. + Ngôn ngữ của nhân vật. + Những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật. + Mối quan hệ của nhân vật đó với các nhân vật khác. => Nhận xét, đánh giá về nhân vật (suy nghĩ, cảm xúc,... về các đặc điểm của nhân vật đã phân tích) - Nhận xét đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn. - Nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm. * Kết bài: Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật - Nêu đánh giá khái quát về nhân vật - Nêu cảm nghĩ, ấn tượng về nhân vật, ý nghĩa của nhân vật với đời sống. Rút ra bài học, liên hệ.	3.0
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25

		<i>d e. Sáng tạo</i> Có những liên hệ hợp lí; bài viết lôi cuốn, hấp dẫn.	0,25

ĐỀ 6

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn 7

T T	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc -hiể u	Truyện ngắn	4	0	4	0	0	2	0	0	60
2	Viết	Viết bài văn biểu cảm	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40

Tổng	20	5	20	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ (%)	25		35		30		10		
Tỉ lệ chung	60				40				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn 7

Thời gian làm bài: 90 phút

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ n biết	Thô ng hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	Đọc-hi ểu	Truyện ngắn	Nhận biết: - Nhận biết được phương thức biểu đạt, lời kể, chi tiết chính trong văn bản. - Nhận biết được loại từ. Thông hiểu: - Hiểu được ý nghĩa của chi tiết trong văn bản. - Xác định được BPTT, thành phần câu. Vận dụng: - Tóm tắt được văn bản - Rút được bài học cho bản thân	4TN	4TN	2TL	
	Viết	Văn biểu cảm	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng:				1TL*

			Vận dụng cao: Viết được bài văn biểu cảm về một đoạn thơ: thể hiện tình cảm, cảm xúc, thái độ của bản thân trước những chi tiết tiêu biểu. Từ đó biết rút ra bài học cho bản thân.				
Tổng				4TN	4TN	2TL	1TL*
Tỉ lệ (%)				25	35	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn 7

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC-HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CÂU CHUYỆN VỀ HAI HẠT LÚA

Có hai hạt lúa nọ được giữ lại để làm hạt giống cho vụ sau vì cả hai đều là những hạt lúa tốt đều to khỏe và chắc mẩy,...

Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó. Hạt thứ nhất nhủ thầm:

“Đại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân hình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng trong lớp vỏ này và tìm một nơi lý tưởng để trú ngụ”. Thế là nó chọn một góc khuất trong kho lúa để lăn vào đó.

Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.

Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng. Lúc này chất dinh dưỡng chẳng giúp ích được gì nên nó chết dần chết mòn. Trong khi đó hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đất nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt. Nó lại mang đến cho đời những hạt lúa mới...

(Theo Hạt giống tâm hồn, NXB Trẻ, 2004)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là phương thức nào?

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Biểu cảm
- D. Nghị luận

Câu 2. Văn bản trên được kể theo lời của ai?

- A. Lời của hạt lúa thứ nhất
- B. Lời của hạt lúa thứ hai
- C. Lời của người kể chuyện
- D. Lời kể của hai cây lúa

Câu 3. Chi tiết chính trong văn bản trên là chi tiết nào?

- A. Người nông dân
- B. Cánh đồng
- C. Hai cây lúa
- D. Chất dinh dưỡng

Câu 4. Vì sao hạt lúa thứ hai lại “ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất”?

- A. Vì nó muốn được ra đồng cùng ông chủ.
- B. Vì nó biết chỉ khi được gieo xuống đất, nó mới được bắt đầu một cuộc sống mới
- C. Vì nó không thích ở mãi trong kho lúa
- D. Vì khi được gieo xuống đất nó sẽ nhận được nước và ánh sáng.

Câu 5. Xác định thành phần trạng ngữ trong câu: *Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng.*

- A. Thời gian trôi qua
- B. hạt lúa thứ nhất bị héo khô
- C. bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng
- D. bị héo khô nơi góc nhà

Câu 6. Từ ***sung sướng*** trong văn bản trên thuộc loại từ nào?

- A. Từ ghép đẳng lập
- B. Từ ghép chính phụ
- C. Từ láy
- D. Từ láy toàn bộ

Câu 7. Xác định biện pháp tu từ trong câu: *Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.*

- A. So sánh
- B. Nhân hóa
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

Câu 8. Từ hình ảnh hạt lúa thứ nhất bị héo khô, tác giả muốn phê phán điều gì?

- A. Sự hèn nhát, ích kỉ không dám đương đầu với khó khăn, thử thách, luôn trốn tránh trong sự an toàn vô nghĩa
- B. Sự ích kỉ chỉ nghĩ đến lợi ích cho bản thân mình.
- C. Sự vô cảm không quan tâm đến người khác.
- D.

Câu 9. Em hãy tóm tắt ngắn gọn văn bản trên?

Câu 10. Em rút ra được bài học gì sau khi đọc xong văn bản trên?

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Viết bài văn ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc đoạn thơ sau:

Hạt gạo làng ta
Có công các bạn
Sớm nào chống hạn
Vực mễ miệng gàu
Trưa nào bắt sâu
Lúa cao rất mặt
Chiều nào gánh phân
Quang trành quét đất

Trần Đăng Khoa, Góc sân và khoảng trời, NXB Văn hoá dân tộc, 1999

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

MÔN: NGỮ VĂN 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC-HIỂU		
	1	A	0,5
	2	C	0,5
	3	C	0,5
	4	B	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5
	7	B	0,5
	8	A	0,5
	9	- Học sinh tóm tắt được nội dung chính của văn bản	1,0
	10	- Đừng bao giờ tự khép mình trong lớp vỏ chắc chắn để cố giữ sự nguyên vẹn vô nghĩa của bản thân - Muốn sống một cuộc đời ý nghĩa, chúng ta phải mạnh mẽ dấn thân. Nếu cứ thu mình trong cái vỏ bọc an toàn, chúng ta rồi sẽ chỉ là những con người nhát nhòa rồi tàn lụi dần. Muốn thành công, con người không có cách nào khác ngoài việc đương đầu với gian nan, thử thách.	0,5 0,5

II	LÀM VĂN		
		a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn biểu cảm	
		b. Xác định đúng yêu cầu đề bài: Viết bài văn ghi lại cảm xúc của bản thân sau khi học xong đoạn thơ	
		c. Nêu được cảm xúc của bản thân sau khi đọc xong đoạn thơ. HS có thể trình bày theo nhiều cách nhưng đảm bảo các ý sau: - Giới thiệu được đoạn thơ. - Nêu được cảm xúc của bản thân: + Nội dung: Cảm nghĩ về sự góp công của các bạn thiếu nhi: tát nước, bắt sâu, gánh phân,... Hành động của các bạn tuy nhỏ cho nhưng mang ý nghĩa lớn thể hiện sự góp sức mình cho quê hương. Đoạn thơ không chỉ thể hiện sâu sắc tình yêu quê hương của các bạn thiếu nhi mà còn thể hiện tình yêu quê hương của tác giả. + Nghệ thuật: Thể thơ 4 chữ tự do ngắn gọn, gần gũi. - Bài học cho bản thân.	
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn giàu cảm xúc, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.	

ĐỀ 7:

MA TRẬN

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức
----	-----------------	---------------------------	-----------------	----------------------------------

				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1.	Đọc hiểu	Truyện ngắn	- Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản. - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn. - Xác định được từ láy, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.	3 TN	5TN	1TL	
2	Viết	Viết bài văn nghị luận	Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống. Nêu được vấn đề và suy nghĩ, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến.				1TL *
Tổng				3 TN	5 TN	1 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ BÀI

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

GIÁ TRỊ CỦA HÒN ĐÁ

Có một học trò hỏi thầy mình rằng:

- Thưa thầy, giá trị của cuộc sống là gì ạ?

Người thầy lấy một hòn đá trao cho người học trò và dặn:

- Con đem hòn đá này ra chợ nhưng không được bán nó đi, chỉ cần để ý xem người ta trả giá bao nhiêu.

Vâng lời thầy, người học trò mang hòn đá ra chợ bán. Mọi người không hiểu tại sao anh lại bán một hòn đá xấu xí như vậy. Ngồi cả ngày, một người bán rong thương tình đã đến hỏi và trả giá hòn đá một đồng. Người học trò mang hòn đá về và than thở:

- Hòn đá xấu xí này chẳng ai thèm mua. Cũng may có người hỏi mua với giá một đồng thầy ạ.

Người thầy mỉm cười và nói:

- Tốt lắm, ngày mai con hãy mang hòn đá vào tiệm vàng và bán cho chủ tiệm, nhớ là dù chủ cửa hàng vàng có mua thì cũng không được bán.

Người học trò rất bất ngờ khi chủ tiệm vàng trả giá hòn đá là 500 đồng. Anh háo hức hỏi thầy tại sao lại như vậy. Người thầy cười và nói:

- Ngày mai con hãy đem nó đến chỗ bán đồ cổ. Nhưng tuyệt đối đừng bán nó, chỉ hỏi giá mà thôi.

Làm theo lời thầy dặn, sau một hồi xem xét thì anh vô cùng ngạc nhiên khi chủ hiệu trả giá hòn đá là cả gia sản hiện có. Anh vẫn nhất quyết không bán và vội về kể lại với thầy. Lúc này người thầy mới chậm rãi nói:

- Hòn đá thực chất chính là một khối ngọc cổ quý giá, đáng cả một gia tài, và giá trị cuộc sống cũng giống như hòn đá kia, có người hiểu và có người không hiểu. Với người không hiểu và không thể cảm nhận thì giá trị cuộc sống chẳng đáng một xu, còn với người hiểu thì nó đáng giá cả một gia tài. Hòn đá vẫn vậy, cuộc sống vẫn thế, điều duy nhất tạo nên sự khác biệt là sự hiểu biết của con và cách con nhìn nhận cuộc sống.

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là:

- A. Biểu cảm
- B. Miêu tả
- C. Tự sự
- D. Nghị luận

Câu 2. Chủ đề của văn bản trên là:

- A. Giá trị cuộc sống
- B. Lòng biết ơn
- C. Đức tính trung thực
- D. Lòng hiếu thảo

Câu 3. Câu chuyện trong tác phẩm là lời kể của ai?

- A. Người học trò
- B. Người kể chuyện

C. Hòn đá

D. Người thầy

Câu 4. Vì sao người thầy trong câu chuyện lại yêu cầu học trò của mình mang hòn đá xấu xí đi hỏi giá mà lại không bán?

A. Để người học trò hiểu được giá trị to lớn của hòn đá.

B. Để người học trò biết được hòn đá là một viên ngọc quý, tuyệt đối không được bán.

C. Để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá thông qua cách định giá của những người hiểu và không hiểu về nó, từ đó rút ra bài học về cách nhìn nhận về cuộc sống.

D. Để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá. Tuy bề ngoài xấu xí nhưng thực chất nó là một khối ngọc quý đáng giá cả một gia tài.

Câu 5. Những từ nào sau đây là từ láy bộ phận?

A. Xem xét, nhìn nhận, xấu xí

B. Than thở, xem xét, háo hức

C. Háo hức, xem xét, nhìn nhận

D. Xấu xí, than thở, háo hức

Câu 6. Chi tiết tiêu biểu trong văn bản trên là:

A. Hòn đá

B. Người học trò

C. Người thầy

D. Chủ tiệm đồ cổ

Câu 7. Cụm từ *ngồi cả ngày* trong câu văn: *Ngồi cả ngày, một người bán rong thương tình đã đến hỏi và trả giá hòn đá một đồng* là thành phần mở rộng câu bởi?

A. Trạng ngữ

B. Cụm danh từ

C. Cụm động từ

D. Cụm tính từ

Câu 8. Tác dụng của điệp từ *bán, mua* trong văn bản trên có tác dụng gì?

A. Thể hiện công việc mà người học trò phải làm theo lời dặn của thầy, qua đó phê phán sự thiếu chủ động, thiếu tích cực trong cách sống, cách làm việc của cậu học trò.

B. Thể hiện công việc của người học trò làm theo lời dặn của thầy để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá, từ đó rút ra bài học về cách nhìn nhận cuộc sống.

C. Thể hiện sự thiếu chủ động, tích cực của người học trò trong học tập và cuộc sống.

D. Thể hiện công việc của người học trò làm theo lời dặn của thầy, qua đó nhấn mạnh giá trị của hòn đá.

Câu 9. Thông điệp mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản trên là gì?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Em hãy trình bày ý kiến về việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19?

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	D	0,5
	6	A	0,5
	7	C	0,5
	8	B	0,5
	9	HS viết đoạn văn 8-10 dòng nêu được cụ thể thông điệp, lí do chọn thông điệp. HS có thể lựa chọn những thông điệp sau: - Mỗi người có một cách “định giá” khác nhau về thành công hay hạnh phúc. Hãy tôn trọng sự lựa chọn của mỗi người và làm cho đời mình trở nên giá trị theo cách của mình. Chỉ có bạn mới quyết định được cuộc sống của bạn. - Hãy trân trọng những gì mình đang có bởi cuộc sống tốt đẹp hay không là do cách bạn suy nghĩ và cảm nhận.	2,0
II		LÀM VĂN	4,0
		a. Hình thức: Viết đúng hình thức bài văn nghị luận, đủ bố cục 3 phần, trình bày sạch đẹp, khoa học, diễn đạt lưu loát.	0,5
		b. Nội dung: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19.	0,5
		* Thân bài: Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự hợp lí. HS có thể trình bày những ý kiến sau: - Ý kiến 1: Tình hình dịch bệnh Covid 19 hiện nay và việc thực hiện 5K của người dân. + Lí lẽ 1.1: Tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp Dẫn chứng: (...) + Lí lẽ 1.2: Thực trạng về việc thực hiện 5K của người dân: Giải thích 5K là gì. Dẫn chứng (...) - Ý kiến 2: Tác dụng của việc thực hiện tốt 5K + Lí lẽ: Thực hiện tốt 5K sẽ giúp phòng tránh dịch bệnh cho bản thân và những người xung quanh. + Dẫn chứng: Phòng tránh dịch bệnh cho bản thân: Phòng tránh dịch bệnh cho những người xung quanh:	2,5

	- Ý kiến 3: Tác hại của việc không thực hiện tốt 5K + Lí lẽ: gây ra tình trạng dịch bệnh lây lan cho bản thân và những người xung quanh => tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường,... + Dẫn chứng: - Ý kiến 4: Nguyên nhân của việc không thực hiện tốt 5K + Lí lẽ: Ý thức của mỗi người chưa tốt khi thực hiện theo khuyến cáo của Bộ y tế. + Dẫn chứng: => Bày tỏ suy nghĩ của bản thân. * Kết bài: - Khẳng định lại tầm quan trọng của việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19. - Liên hệ bản thân.	0,5
--	---	-----

ĐỀ 8

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	- Truyện ngụ ngôn	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40

		kiện lịch sử.									
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Độc hiểu	- Truyện ngụ ngôn	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện. - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện.	3 TN	5TN	2TL	

			- Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng: - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm. - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.				
2	Viết	Kể lại sự việc có thật liên	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng:				1 TL *

hamhochoi.vn - DIỄN ĐÀN TÀI LIỆU, GIÁO ÁN, BÀI GIẢNG, ĐỀ THI...

		quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.				
Tổng				3TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				30	30	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

MÔN: NGŨ VĂN, LỚP 7

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

MÈO ĂN CHAY

Có một con mèo già, chậm chân, mắt mờ không vô bắt được chuột nữa, bèn nghĩ ra một kế để lừa đàn chuột trong nhà.

Một hôm, mèo già đeo tràng hạt, gõ mõ, tụng kinh và nói rằng từ nay nó không bắt chuột nữa vì nó tu hành nên kiêng ăn thịt sống, kiêng sát sinh. Lúc đầu, đàn chuột nửa tin, nửa ngờ. Nhưng mấy ngày sau vẫn thấy mèo ngồi niệm Phật và chỉ ăn rau. Có con thử lại gần mà mèo cũng không vô nên chúng tin là mèo già tụng kinh, sám hối thật. Vì thế, đàn chuột thường nhón nhơ đi lại cạnh mèo già, không còn lo bị mèo ăn thịt nữa.

Một buổi tối, cả đàn lại xếp hàng một đi qua chỗ mèo già ngồi để vào hang. Mèo ta biết thế, liền cho đàn chuột chui vào hang chỉ còn lại con cuối cùng, liền vô lấy nuốt chửng. Hôm đầu, thấy thiếu một con thì chúng đâm hoang mang. Con chuột đầu đàn nghi là mèo già bắt, hôm ấy thử đi ở cuối cùng xem sự thể ra sao.

Mèo ta nhe răng, giơ vuốt ra vô, chuột đầu đàn chỉ kịp kêu thét lên báo cho cả đàn rồi cũng bị mèo nuốt chửng.

Từ đó lũ chuột luôn nhắc rằng chớ có bao giờ tin những kẻ độc ác giả nhân giả nghĩa mà thiệt mạng.

(<https://thuvienpdf.com/chi-tiet-tang-thu-vien/133/PO-meo-an-chay>)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy? **(Biết)**

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ ba
- D. Kết hợp nhiều ngôi kể

Câu 2: Nhân vật chính trong truyện là mèo già. Đúng hay sai? **(Biết)**

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 3: Trong câu văn: “*Có một con mèo già, chậm chân, mắt mờ không vô bắt được chuột nữa, bèn nghĩ ra một kế để lừa đàn chuột trong nhà.*” có mấy **phó từ chỉ số lượng?** **(Biết)**

- A. Một
- B. Hai
- C. Ba

D. Bốn

Câu 4: Sắp xếp các sự việc sau theo trình tự hợp lí? (Hiểu)

- (1) Cả bầy chuột hoang mang, chuột đầu đàn thử đi cuối cùng để kiểm chứng và cũng bị mèo già tóm gọn.
- (2) Mèo già không bắt được chuột, bèn nghĩ ra cách giả vờ ăn chay.
- (3) Từ đó, đàn chuột không dám tin lời những kẻ độc ác, giả nhân giả nghĩa.
- (4) Một hôm, mèo già vờ lấy con chuột cuối đàn.
- (5) Đàn chuột thường nhớn nhor đi lại cạnh mèo già, không còn lo bị mèo ăn thịt nữa.

- A. (2) – (5) – (4) – (1) – (3)
- B. (1) – (5) – (4) – (3) – (2)
- C. (4) – (3) – (2) – (1) – (5)
- D. (5) – (2) – (4) – (1) – (3)

Câu 5: Hành động “mèo già đeo tràng hạt, gõ mõ, tụng kinh mấy ngày liền” nhằm mục đích gì? (Hiểu)

- A. Để sám hối tội lỗi
- B. Để giết thời gian
- C. Để đánh lừa bầy chuột

D. Để rình con mồi

Câu 6: Việc đàn chuột thường nhớn nhor đi lại cạnh mèo già, không còn lo bị mèo ăn thịt nữa cho thấy thái độ gì của đàn chuột? (Hiểu)

- A. Chủ quan
- B. Tự tin
- C. Thiếu cảnh giác
- D. Kiêu ngạo

Câu 7: Từ “sám hối” trong câu văn: “Có con thử lại gần mà mèo cũng không vồ nên chúng tin là mèo già tụng kinh, sám hối thật” được hiểu như thế nào? (Hiểu)

- A. Thù hận tội lỗi đã gây ra
- B. Ăn năn tội lỗi đã gây ra
- C. Lo lắng về tội lỗi đã gây ra
- D. Xấu hổ về tội lỗi đã gây ra

Câu 8: Thành ngữ “giả nhân giả nghĩa” trong câu văn: “Từ đó lũ chuột luôn nhắc rằng chó có bao giờ tin những kẻ độc ác giả nhân giả nghĩa mà thiệt mạng.” nói đến điều gì? (Hiểu)

- A. Giả vờ tỏ ra tử tế, nhân nghĩa
- B. Nói những điều không đúng sự thật
- C. Cố tình đánh lừa người khác
- D. Che đậy việc làm sai trái

Câu 9: Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện trên? (Vận dụng)

Câu 10: Em có đồng tình với việc làm của mèo già trong câu chuyện không? Vì sao? (Vận dụng)

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu (bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả). (Vận dụng cao)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**Môn: Ngữ văn lớp 7**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	C	0,5
	6	A	0,5
	7	B	0,5
	8	A	0,5
	9	HS rút ra được bài học phù hợp.	1,0
	10	HS nêu được ý kiến đồng tình / không đồng tình và lí giải hợp lí (phù hợp với chuẩn mực đạo đức).	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự:</i> Mở bài nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. Thân bài triển khai sự việc. Kết bài khẳng định ý nghĩa sự việc.	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> sự kiện được kể lại trong văn bản là có thật và liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề:</i> HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần lựa chọn chi tiết, thông tin chọn lọc, tin cậy về sự việc. Đồng thời, vận dụng tốt kĩ năng kể chuyện có kết hợp yếu tố miêu tả trong bài viết; sau đây là một số gợi ý:	
		- Giới thiệu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử.	2.5

	- Nêu được không gian, thời gian diễn ra sự việc. - Gọi lại bối cảnh câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/sự kiện - Thuật lại nội dung/diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. - Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật và sự kiện. - Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về nhân vật/sự kiện.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Có những suy nghĩ, cảm nhận mới mẻ, sáng tạo.	0,5

ĐỀ 9:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM GIỮA TRẠI HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện dân gian (ngữ ngôn)	5	0	3	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại sự việc có	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40

		thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử									
Tổng			25	5	15	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM GIỮA TRA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ n biết	Thô ng hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện dân gian (truyện ngụ ngôn).	Nhận biết: - Nhận biết được thể loại,(1) đặc điểm của lời kể,(2) ngôi kể(3) trong truyện. Nhận biết được đề tài(4),nhân vật trong chính thể của tác phẩm(5).	5 TN	3TN	2TL	

			Thông hiểu: - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện(6). - Xác định được nghĩa phó từ,(7) nghĩa trạng ngữ trong tác phẩm(8). Vận dụng: -Thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.(9). - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.(10).				
2	Viết	Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.				1TL *
Tổng				5 TN	3TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				30	30	30	10

Tỉ lệ chung		60	40
-------------	--	----	----

**hamhochoi.vn - DIỄN ĐÀN TÀI LIỆU, GIÁO ÁN, BÀI GIẢNG, ĐỀ THI...
ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

Môn Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

THỎ VÀ RÙA

Ngày xưa, thỏ lúc nào cũng cười mỉa mai con rùa về sự chậm chạp. Nhưng rùa thì dẫn lòng trước sự khoe khoang của thỏ.

Một hôm, trước đông đủ bá thú, rùa thách thỏ chạy thi. Thỏ trả lời:

– Đừng có đùa đại! Bạn không biết là tôi có thể chạy cả chục vòng quanh bạn hay sao.

Rùa mỉm cười:

– Không cần nhiều lời. Muốn biết ai nhanh thì cứ việc thi.

Thế là trường đua được vạch ra. Con cá làm trọng tài. Nó hú batiêng là cuộc thi bắt đầu.

Thoắt một cái, con thỏ đã biến mất. Con rùa cứ chậm chạp bước theo. Các thú khác ở dọc đường cổ vũ.

Một lúc sau, thỏ đứng lại đợi rùa, nghĩ bụng: điều này thật khó đỡ. Đợi một lúc mà rùa vẫn chưa tới. Thỏ vừa thêm thiếp vừa lẩm bẩm:

– Ta cứ hợp mắt một tí trên bãi cỏ này. Khi trời mát xuống ta sẽ chạy tiếp cũng chẳng muộn gì!

Thế rồi nó dặng chân, duỗi tay, nhắm mắt ngủ ngon lành. Một lúc sau, con rùa ịch ạch bò tới.

Nó bỏ quách chỗ con thỏ đang ngủ say, rồi đến được đích cuối. Tiếng reo hò ào nhiệt.

Lúc đó, con thỏ vừa mở mắt. Biết mình thua cuộc, thỏ xấu hổ trốn vào rừng.

(<https://sites.google.com/site/158truyenngungonaesop/131---150>)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Truyện “*Thỏ và rùa*” thuộc thể loại nào?(1)

- A. Truyện cổ tích. B. Truyện đồng thoại. C. Truyền thuyết. D. Ngụ ngôn.

Câu 2. Câu chuyện trong tác phẩm được kể bằng lời của ai?(2)

- A. Lời của nhân vật Thỏ. B. Lời của người kể chuyện.
C. Lời của nhân vật Rùa. C. Lời của nhân vật cáo.

Câu 3. Truyện “*Thỏ và rùa*” kể theo ngôi thứ mấy?(3)

- A. Ngôi kể thứ nhất.
B. Ngôi kể thứ hai.
C. Ngôi kể thứ ba.
D. Ngôi kể thứ tư.

Câu 4. Nhận xét nào sau đây đúng với truyện *Thỏ và Rùa*?(4)

- A. Giải thích nguyên nhân của sự chủ quan, kiêu ngạo.
B. Ca ngợi tình cảm cộng đồng bền chặt, sự chăm chỉ, nỗ lực.
C. Bài học về cách nhìn sự việc, cách ứng xử của con người.
D. Giải thích nguyên nhân sự chăm chỉ và tự tin của rùa.

Câu 5. Truyện xoay quanh sự việc nào? (5)

- A. Thỏ và rùa thách nhau chạy thi.
B. Thỏ khinh thường rùa chậm chạp.
C. Rùa cần mẫn chăm chỉ nỗ lực thi chạy.
D. Cuộc thi chạy giữa thỏ và rùa.

Câu 6. Hành động của thỏ trong tác phẩm thể hiện tính cách gì?(6)

- A. Kiêu ngạo, chủ quan.
B. Khinh thường, nhanh nhẹn.
C. Chủ quan, chậm chạp.
D. Tự tin, nhanh nhẹn.

Câu 7. Xác định nghĩa của phó từ “đã, đang, vẫn, cứ” trong văn bản?(7)

- A. Chỉ thời gian, sự tiếp diễn.
B. Chỉ không gian, sự tiếp diễn.

C. Chỉ thời gian, sự phủ định.

D. Chỉ thời gian, kết quả.

Câu 8. “Ngàyxưa, mộthôm, mộtlúcsau, lúc đó” có ý nghĩa gì?(8)

A. Trạng ngữ chỉ thời gian, cách thức trong truyện.

B. Trạng ngữ chỉ thời gian, không gian trong truyện.

C. Trạng ngữ chỉ nơi chốn, cách thức trong truyện.

D. Trạng ngữ chỉ thời gian, nguyên nhân trong truyện.

Câu 9. Thông điệp cuộc sống mà văn bản gợi cho em là gì?(9)

Câu 10. Có bạn cho rằng: bài học vẫn không có gì thay đổi, nếu thay hai nhân vật thỏ và rùa trong truyện bằng hai nhân vật đều là thỏ hoặc hai nhân vật đều là rùa chạy thối với nhau; và vì một lí do nào đó, con vật tưởng là yếu hơn, chậm hơn đã giành chiến thắng. Em có đồng ý như vậy không? Vì sao?(10)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu (bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả).

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	C	0,5
	5	D	0,5
	6	A	0,5

	7	A	0,5
	8	B	0,5
	9	- HS nêu được thông điệp cuộc sống mà văn bản gợi ra. - Lí giải được lí do nêu thông điệp ấy.	1,0
	10	Đồng ý vì chăm chỉ, tự tin sẽ giúp đến đích sớm hơn; kiêu ngạo, chủ quan sẽ thất bại, hơn thua ở việc làm, hành động thực tế, không gờn nể; ... Có thể là đồng tình một phần nhưng phải có lí giải hợp lí	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự: Mở bài nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. Thân bài triển khai sự việc. Kết bài khẳng định ý nghĩa sự việc.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: sự kiện được kể lại trong văn bản là có thật và liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử.	0,25
		c. Triển khai vấn đề: HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần lựa chọn chi tiết, thông tin chọn lọc, tin cậy về sự việc. Đồng thời, vận dụng tốt kĩ năng kể chuyện có kết hợp yếu tố miêu tả trong bài viết; sau đây là một số gợi ý:	
		- Giới thiệu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. - Nêu được không gian, thời gian diễn ra sự việc. - Gợi lại bối cảnh câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/sự kiện - Thuật lại nội dung/diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. - Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật và sự kiện.	2.5

		- Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về nhân vật/sự kiện.	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. Có những suy nghĩ, cảm nhận mới mẻ, sáng tạo.	0,5

ĐỀ 10

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN , LỚP 7

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Văn bản biểu cảm	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Viết bài văn biểu cảm về một thầy, cô giáo mà em yêu quý.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40

Tổng	15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %	20		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung	60%				40%				

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7

Thời gian làm bài: 90 phút

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/Đor n vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổn g
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụn g	Vận dụng cao	
1	Đọc hiểu	Văn bản thơ	Nhận biết: - Xác định được thể thơ, phương thức biểu đạt. - Nhận biết được các từ láy trong đoạn thơ. Thông hiểu: - Hiểu được tâm trạng của nhân vật trong đoạn thơ . - Hiểu đúng nghĩa của từ một cách đầy đủ, chính xác.	3TN	5TN	2TL	0	10

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng g
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			- Hiểu và thêm trạng ngữ vào câu cho phù hợp. - Trình bày được nội dung chính của văn bản thơ đã cho. - Hiểu được ý nghĩa của từ “ người cha” trong câu thơ. Vận dụng: - Cảm nhận của bản thân về hình ảnh của Bác gắn với nội dung đoạn thơ từ đó có những hành động thể hiện lòng kính yêu đối với Bác.					
2	VIẾT	2. Viết bài văn biểu cảm về một thầy, cô giáo mà em yêu quý.	Nhận biết: - Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về đối tượng được biểu cảm. - Xác định được cách thức trình bày bài văn. Thông hiểu: - Viết đúng về nội dung, về hình thức (từ ngữ,				1TL*	1TL*

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/Đor n vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng g
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụn g	Vận dụng cao	
			diễn đạt, bố cục văn bản) Vận dụng: - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu. - Viết được bài văn biểu cảm về một thầy, cô giáo mà em yêu quý. Vận dụng cao: Biết bày tỏ thái độ trân trọng, biết ơn công lao của thầy, cô.					
Tổng								11
Tỉ lệ %				20	40	30	10	100
Tỉ lệ chung				60		40		100

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)****Đọc đoạn thơ sau .**

“...Anh đội viên thức dậy
 Thấy trời khuya lắm rồi
 Mà sao Bác vẫn ngồi
 Đêm nay Bác không ngủ.

*Lặng yên bên bếp lửa
Vẻ mặt Bác trầm ngâm
Ngoài trời mưa lâm thâm
Mái lều tranh xơ xác.*

*Anh đội viên nhìn Bác
Càng nhìn lại càng thương
Người Cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm.”[...]*

(Trích bài thơ “**Đêm nay Bác không ngủ**” – Minh Huệ)

Trả lời từ câu 1 đến câu 8 bằng cách khoanh tròn vào đáp án đúng nhất

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào ?

- A. Thể thơ tự do
- B. Thể thơ năm chữ**
- C. Thể thơ sáu chữ
- D. Thể thơ bảy chữ

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên?

- A. Biểu cảm**
- B. Nghị luận
- C. Miêu tả
- D. Tự sự

Câu 3. Trong khổ thơ sau có mấy từ láy :

“Lặng yên bên bếp lửa
Vẻ mặt Bác trầm ngâm
Ngoài trời mưa lâm thâm
Mái lều tranh xơ xác”.

- A. 1
- B. 2
- C. 3**
- D. 4

Câu 4. Tâm trạng của anh đội viên biểu hiện như thế nào trong đoạn thơ trên?

- A. Ngạc nhiên, lo lắng
- B. Ngạc nhiên, ái ngại
- C. Ngạc nhiên, thương cảm.**
- D. Hốt hoảng, bồi hồi.

Câu 5. Nghĩa của từ “ trầm ngâm ” được hiểu như thế nào?

- A. Có dáng vẻ đang suy nghĩ, nghiền ngẫm điều gì
- B. Ngồi lặng yên, suy nghĩ.
- C. Ngồi lặng lẽ, không cử động.
- D. Ngồi im, buồn rầu.

Câu 6. Thêm trạng ngữ phù hợp cho câu sau : *Anh đội viên thức dậy.*

- A. Rất sớm
- B. Nửa đêm**
- C. Rất khuya

D. Đang đêm

Câu 7. Nội dung chính của đoạn thơ trên là gì ?

A. Tâm trạng của anh đội viên trong lần đầu thức giấc.

B. Tình cảm của Bác dành cho đất nước, dân tộc.

C. Hình ảnh của Bác và tâm trạng của anh đội viên trong lần đầu thức giấc.

D. Tình cảm của anh đội viên dành cho Bác.

Câu 8. Hình ảnh “ Người Cha” trong câu thơ “ Người Cha mái tóc bạc” được hiểu như thế nào ?

A. Là Bác Hồ, Bác được ví như người cha yêu thương chăm sóc che chở cho các anh đội viên.

B. Là người trực tiếp cung cấp tinh trùng trong quá trình thụ tinh nhằm tạo ra một cơ thể mới qua quá trình mang thai và sinh nở của người mẹ.

C. Là người đàn ông có con, trong quan hệ với con.

D. Là người đàn ông đã lớn tuổi.

Trả lời câu hỏi:

Câu 9. Em có suy nghĩ gì về hình ảnh của Bác trong đoạn thơ trên?

Câu 10. Qua đoạn thơ trên, em sẽ làm gì để thể hiện lòng kính yêu đối với Bác?

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (4.0 điểm)

Viết bài văn biểu cảm về một thầy, cô giáo mà em yêu quý.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	B	0.5
	2	A	0.5
	3	C	0.5
	4	C	0.5
	5	A	0.5
	6	B	0.5
	7	C	0.5
	8	A	0,5
	9	HS đưa ra được ý kiến cá nhân về hình ảnh của Bác qua nội dung của đoạn thơ, có thể như sau: - Bác là một người luôn quan tâm, lo lắng cho dân, cho nước.	1.0

		- Tấm lòng yêu thương rộng lớn của Bác Hồ với đồng bào, chiến sĩ và thể hiện tình cảm kính yêu, khâm phục của bộ đội, nhân dân đối với Bác Hồ.	
	10	HS nêu những việc làm cụ thể của bản thân để thể hiện lòng kính yêu đối với Bác: <i>(Nêu tối thiểu 2 việc làm)</i> - Cố gắng học tập, tu dưỡng đạo đức để trở thành người có ích. - Thực hiện theo 5 điều Bác Hồ dạy - Sống đoàn kết, yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ những người gặp khó khăn, hoạn nạn... - Yêu quê hương, đất nước, dân tộc... Lưu ý: Học sinh nêu được 3-4 việc làm cho 1.0 điểm, được 1-2 việc làm cho 0.5 điểm	1.0
II	VIẾT		4.0
		a. Đảm bảo bố cục bài văn biểu cảm gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.	0.25
		b Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn nêu cảm nghĩ về một thầy, cô giáo mà em yêu quý	0.25
		c. Cảm xúc của bản thân về thầy, cô giáo. Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau Nhưng đảm bảo các yêu cầu sau: - Giới thiệu về người thầy, cô giáo mà em yêu quý. - Miêu tả thầy, cô giáo về ngoại hình, tính cách... - Kể chuyện và nêu cảm xúc của bản thân về thầy, cô giáo . - Kết hợp kể, miêu tả và biểu cảm.	2.5
		d. Chính tả ngữ pháp đảm bảo chuẩn chính tả ngữ pháp tiếng Việt.	0.5
		e. Sáng tạo lời văn kết hợp kể, tả, biểu cảm, sinh động; bài viết lôi cuốn hấp dẫn.	0.5

ĐỀ 11:

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	TL	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ)	4	0	2	0	0	2	0		50
2	Viết	Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	50
Tổng			20	10	10	15	0	30	0	1, 5	100
Tỉ lệ %			30%		25%		30%		15%		
Tỉ lệ chung			55%				45%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ n biết	Thôn g hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao

1	Đọc hiểu	- Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ)	Nhận biết: - Nhận biết được từ ngữ, vần, thể thơ, nhịp thơ các và các biện pháp tu từ trong bài thơ. - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ. - Xác định được số từ, phó từ. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng. Vận dụng: - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được bài ỨNG XỬ cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.	4TN	2TN	2TL	
2	Viết	Kể lại sự việc có thật liên	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng:				1TL *

		quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử	Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.				
Tổng				4TN	2TN	1TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	10	10	60
Tỉ lệ chung				30		70	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm) Đọc văn bản sau:

*Mưa rơi tí tách
Hạt trước hạt sau
Không xô đẩy nhau
Xếp hàng lần lượt*

*Mưa vẽ trên sân
Mưa dàn trên lá
Mưa rơi trắng xóa
Bong bóng phập phồng*

*Mưa nâng cánh hoa
Mưa gọi chồi biếc
Mưa rửa sạch bụi
Như em lau nhà.*

*Mưa rơi, mưa rơi
Mưa là bạn tôi
Mưa là nốt nhạc
Tôi hát thành lời...*

(Trích *Mưa*, Nguyễn Diệu, Thư viện thơ, 2019)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Bài thơ “Mưa” thuộc thể thơ gì? (Biết)

- A. Bốn chữ
- B. Năm chữ
- C. Lục bát
- D. Tự do

Câu 2. Em hãy cho biết khổ thơ thứ hai được ngắt nhịp như thế nào? (Biết)

- A. Nhịp 1/1/2
- B. Nhịp 2/1/1
- C. Nhịp 2/2
- D. Nhịp 1/2/1

Câu 3. Đối tượng nào được nhắc đến nhiều nhất trong bài thơ? (Biết)

- A. Cánh hoa
- B. Hạt mưa
- C. Chồi biếc
- D. Chiếc lá

Câu 4. Theo em biện pháp tu từ nào được sử dụng trong khổ thơ thứ nhất? (Biết)

- A. Ẩn dụ
- B. Hoán dụ
- C. So sánh
- D. Nhân hóa

Câu 5. Xác định chủ đề của bài thơ “Mưa”? (Hiểu)

- A. Tình yêu thiên nhiên
- B. Tình yêu đất nước
- C. Tình yêu quê hương
- D. Tình yêu gia đình

Câu 6. Theo em đáp án nào đúng nhất về tình cảm của tác giả đối với mưa? (Hiểu)

- A. Yêu quý, trân trọng
- B. Hờ hững, lạnh lùng
- C. Nhớ mong, chờ đợi
- D. Bình thản, yêu mến

Câu 7. Em hãy nêu 2 lợi ích của mưa đối với đời sống con người và các sinh vật trên Trái đất.

Câu 8. Từ những lợi ích của mưa, em hãy nêu ít nhất 2 biện pháp để bảo vệ môi trường trong sạch. (Vận dụng)

II. Viết (6,0 điểm)

Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu. (Vận dụng cao)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	A	0,5
	2	C	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	A	0,5
	6	A	0,5
	7	HS trả lời hợp lý 2lợi ích của mưa đối với đời sống con người và các sinh vật trên Trái đất. - Lợi ích của mưa: cung cấp nước để phục vụ đời sống của con người và động thực vật; làm cho không khí sạch và trong lành hơn	1,0
	8	Biện pháp bảo vệ môi trường: không xả rác bừa bãi, trồng cây, không xả xác động vật xuống ao hồ	1,0
II		VIẾT	5,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn:</i> Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	0,5
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> HS chọn được sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề thành các luận điểm</i> HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý:	
		- Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử mà văn bản sẽ thuật lại. - Nêu lí do hay hoàn cảnh, người viết thu thập tư liệu liên quan. - Gợi lại bối cảnh, câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/sự kiện.	3.0

	- Thuật lại nội dung/diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử. - Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật/sự kiện lịch sử. - Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo.	0,5

ĐỀ 12:

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNKQ	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn.	3	0	5	0	0	2	0		60
		Thơ (Thơ 4 chữ, 5 chữ)									
		Tùy bút, tản văn									

2	Viết	Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học (Yêu cầu tác phẩm ngoài sách giáo khoa)	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
		Viết văn bản biểu cảm về con người hoặc sự việc.									
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

T T	Kĩ năng	Nội dung/Đơ n vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụn g	Vận dụng cao

1	Độc hiểu	Truyện ngắn	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản. - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể. - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể. - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua	3 TN	5TN	2 TL	
---	----------	-------------	---	------	-----	------	--

		lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng: - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm.				
	Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ)	Nhận biết: - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ. - Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ. - Xác định được số từ, phó từ. Thông hiểu:				

			- Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng. Vận dụng: - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.				
		Tùy bút, tản văn	Nhận biết - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tùy bút, tản văn.				

		- Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tùy bút, tản văn. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). Thông hiểu: - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn. - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng: - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân				
--	--	---	--	--	--	--

			hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tùy bút, tản văn. - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn.				
2.	Viết	Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật.	1*	1*	1*	1 TL*
		Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân.				

Tổng		3 TN	5 TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %		20%	40%	30%	10%
Tỉ lệ chung		60%		40%	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

*Chót trên cành cao vót
Mấy quả sấu con con
Như mấy chiếc khuy lục
Trên áo trời xanh non.*

*Trời rộng lớn muôn trùng
Đóng khung vào cửa sổ
Làm mấy quả sấu to
Càng nhỏ xinh hơn nữa.*

*Trái con chưa đủ nặng
Để đeo oằn nhánh cong.
Nhánh hãy giờ lên thẳng
Trông ngây thơ lạ lùng.*

*Cứ như thế trên trời
Giữa vô biên sáng nắng
Mấy chú quả sấu non
Giống cả cùng mây trắng*

*Mấy hôm trước còn hoa
Mới thơm đây ngào ngạt,
Thoáng như một nghi ngờ,
Trái đã liền có thật.*

*Ôi! từ không đến có
Xảy ra như thế nào?
Nay má hây hây gió
Trên lá xanh rào rào.*

*Một ngày một lớn hơn
Nấn từng vòng nhựa một
Một sắc nhựa chua giòn
Ôm đọng tròn quanh hột...*

*Trái non như thách thức
Trăm thứ giặc, thứ sâu,
Thách kẻ thù sự sống
Phá đời không dễ đâu!*

*Chao! cái quả sâu non
Chưa ăn mà đã giòn,
Nó lớn như trời vậy,
Và sẽ thành ngọt ngon.*

(Trích trong tập “Tôi giàu đôi mắt” (1970), trong
“Những tác phẩm thơ tiêu biểu và nổi tiếng”, Xuân
Diệu)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1: Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?

- A. Bốn chữ
- B. Năm chữ
- C. Bảy chữ
- D. Tám chữ

Câu 2: Trong bài thơ có sử dụng biện pháp tu từ gì?

- A. So sánh
- B. Nhân hóa và So sánh
- C. Nhân hóa và Ẩn dụ
- D. So sánh, Nhân hóa, Ẩn dụ.

Câu 3: Trong bốn khổ thơ đầu, nhà thơ đã miêu tả những quả sấu non bằng những hình ảnh nào?

- A. Những quả sấu non như những chiếc khuy lục, nhỏ xinh, ngây thơ, đùa giỡn cùng mây trắng.
- B. Những quả sấu non nhỏ xinh, ngây thơ.
- C. Những quả sấu non nhí nhảnh.
- D. Những quả sấu non như chiếc khuy lục.

Câu 4: Tại sao tác giả lại cảm thấy những quả sấu to “*Càng nhỏ xinh hơn nữa*”?

- A. Vì chúng ở trên cao.
- B. Vì chúng là những quả sấu non.
- C. Vì chúng chưa lớn.
- D. Vì chúng là “*khuy lục*” của áo trời mà trời thì rộng lớn.

Câu 5: Em hiểu từ “Giỡn” trong câu thơ “*Giỡn cả cùng mây trắng*” có nghĩa là gì?

- A. Vui
- B. Đùa
- C. Chơi

D. Nghịch

Câu 6: Cảm xúc của tác giả về sự sinh thành từ hoa đến trái của quả sấu là cảm xúc gì?

- A. Vui sướng
- B. Bất ngờ
- C. Ngạc nhiên và thích thú
- D. Phấn khởi

Câu 7: Khi gọi tên quả sấu bằng những tên khác nhau “*quả sấu con con*”, “*quả sấu to*”, “*trái con*”, “*mấy chú quả sấu con*” tác giả muốn thể hiện dụng ý gì?

- A. Thể hiện những quả sấu còn non, nhỏ bé, xinh xắn, ngây thơ, vui nhộn.
- B. Thể hiện sự gần gũi.
- C. Thể hiện sự vui đùa.
- D. Thể hiện thân thiết.

Câu 8: Nhận xét nào sau đây nói đúng nhất nội dung của bài thơ trên?

- A. Miêu tả quả sấu non trên cao.
- B. Miêu tả quá trình phát triển của quả sấu.
- C. Miêu tả sức sống kì diệu của quả sấu.
- D. Miêu tả quả sấu non và sức sống kì diệu, mạnh mẽ của nó. Qua đó, tác giả cho người đọc hiểu được sức sống mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam trước kẻ thù xâm lược.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 9: Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ sau và cho biết tác dụng của biện pháp tu từ ấy?

*Trái non như thách thức
Trăm thứ giặc, thứ sâu,
Thách kẻ thù sự sống
Phá đời không dễ đâu!*

Câu 10: Qua bài thơ, tác giả muốn nhắn nhủ tới người đọc điều gì?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Phát biểu cảm nghĩ về một người thân của em.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	D	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	B	0,5

	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	D	0,5
	9	- Xác định được biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ: + So sánh: Trái non như thách thức + Nhân hóa: Thách thức + Ẩn dụ: Trăm thứ giặc thứ sâu - chỉ kẻ thù xâm lược - Tác dụng: Quả sâu non không sợ loài giặc loài sâu nào cứ lên, cứ trở thành ngon ngọt. Đó là sức sống kì diệu mạnh mẽ của nó. Qua đó, tác giả cho ta hiểu một chân lí lớn lao: không một loài sâu bọ, không một thứ giặc nào có thể hủy diệt hay chiến thắng sự sống. Mọi cuộc bắn phá ném bom rồi cũng sẽ thất bại, không thể phá được cuộc sống vĩ đại của dân tộc Việt Nam.	1,0
	10	-HS nêu được lời nhắn nhủ mà tác giả muốn gửi tới người đọc: <i>Qua hình ảnh quả sấu non, nhà thơ muốn giáo dục lòng yêu thiên nhiên say mê, khám phá những bí ẩn của tự nhiên xung quanh và lòng tự hào về cuộc sống dân tộc.</i>	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm: Mở bài nêu được đối tượng biểu cảm là người thân trong gia đình và ấn tượng ban đầu về người đó. Thân bài nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người thân ấy để lại ấn tượng sâu đậm trong em. Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người thân đó. Kết bài khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với người thân đó.	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Cảm nghĩ về một người thân.	0,25
		c. Cảm nghĩ về người thân. * Giới thiệu được người thân và tình cảm với người đó. * Biểu cảm về người thân: - Nét nổi bật về ngoại hình. - Vai trò của người thân và mối quan hệ đối với người xung quanh. * Kỉ niệm đáng nhớ nhất giữa em và người thân, biểu cảm về người đó. * Tình cảm của em với người thân.	2.5
		- Biểu cảm về vai trò của người đó đối với mình .	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, cảm xúc chân thành, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về đối tượng biểu cảm.	0,5

ĐỀ 13:

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	- Tản văn, tùy bút	5	0	3	0	0	2	0		60
2	Viết	Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			25	5	15	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơ n vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ n biết	Thôn g hiếu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiếu	- Tản văn, tùy bút	Nhận biết - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tùy bút, tản văn. - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tùy bút, tản văn. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). Thông hiểu: - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn. - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.	5 TN	3TN	2TL	

			- Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng: - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tùy bút, tản văn. - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn.				
2	Viết	Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân.				1TL *

Tổng		5TN	3TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %		30	30	30	10
Tỉ lệ chung		60		40	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

LÒ CÒ Ô

a. Mục đích, ý nghĩa, yêu cầu:

- Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng, di chuyển nhanh nhẹn, khéo léo, tính cẩn thận, tỉ mỉ... cho người chơi.

- Tạo không khí vui chơi sôi nổi, thư giãn, vui vẻ.

b. Số lượng, đội hình, địa điểm chơi:

- Số lượng người chơi từ 3-5 em, nếu đông chia thành nhiều nhóm.

- Địa điểm chơi là sân trường, sân nhà... sạch sẽ, bằng phẳng, thoáng mát.

c. Hướng dẫn cách chơi:

- Chuẩn bị chơi:

+ Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.

+ Làm “cái” trò chơi (miếng chàm) bằng một miếng nhựa đặc... nhỏ, dẹt hoặc các sợi dây điện nhỏ thắt lại với nhau vừa vặn tay cầm ném vào các ô chơi.

+ Vẽ đậm vạch đứng để đi “cái”, là vạch ngang ở một đầu ô chơi.

+ Các người chơi “oẳn tù tì” để xếp thứ tự chơi.

- Bắt đầu chơi:

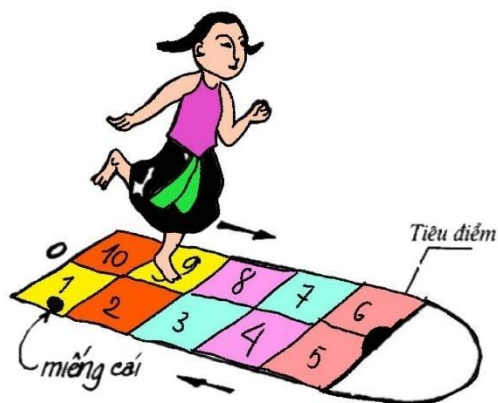
Người chơi đứng vào vạch đi “cái” (ném “miếng cái” vào ô có hình vẽ hoa thị), “cái” của ai gần hoa thị nhất là được đi trước, có thể dùng gang tay hoặc đoạn que làm thước đo cho chính xác. Nếu có 2-3 “cái” cùng chạm “vòng tiêu điểm” thì phải tính cụ thể từ điểm tâm O để phân hơn thua, hoặc nếu không xác định được rõ ràng thì những người có “cái” như thế phải đi lại.

Sau khi phân định thứ tự xong, người chơi thực hiện các động tác chơi chủ yếu như sau:

Đối với kiểu ô chơi hình chữ nhật:

+ Đầu tiên, người chơi thả “miếng cái” vào ô 1 sao cho “cái” không được chạm vào các vạch bốn bên là được, rồi nhảy lò cò lần lượt từ ô số 10 đến hết ô số 6 thì nghỉ bằng cả hai chân, rồi lại lò cò tiếp đến ô số 1 tìm cách lấy bàn chân đang lò cò nhảy lên đánh bật “miếng cái” thẳng ra ngoài vạch đứng ném “cái”, xong rồi nhảy lò cò ra. Nếu không đẩy được miếng cái ra khỏi ô hoặc nhảy sang ô khác hoặc nằm trên vạch hoặc người chơi mất thăng bằng mà ngã (có tay hoặc chân đang chạm đất hoặc dẫm vạch) làm mất lượt chơi.

Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng ngón chân cái và ngón chân trở kẹp “miếng cái” nhảy hất nó lên cao và dùng bàn tay đón



hamhochoi.vn - DIỄN ĐÀN TÀI LIỆU, GIÁO ÁN, BÀI GIẢNG, ĐỀ THI...

bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì nhảy lò cò đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.

+ Thực hiện các động tác tương tự như trên với các ô số 2, 3, 4...đến 10 kể cả ô vòng bán nguyệt trên đầu ô số 5 và 6.

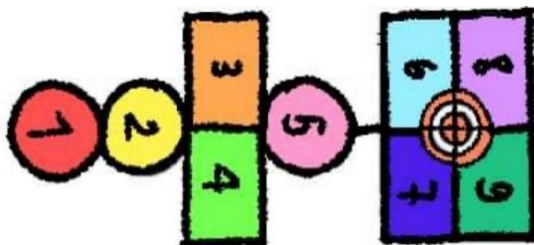
+ Đi hết ô số 10 thì được tậu ruộng: Muốn tậu ruộng, phải đứng ở chỗ có hoa thị mà không được giẫm vạch, quay lưng lại các ô, tay cầm “miếng cái” ném qua đầu để “miếng cái” rơi xuống ô nào mà không chạm các vạch trong ô thì được lấy ô đó làm ruộng, được đánh dấu X hoặc gạch vẽ gì tùy ý. Nếu ném cái ra ngoài các ô chơi thì mất lượt chơi lần ấy, nếu miếng cái chạm vạch thì vẫn được đi lại lần sau trong ván chơi.

Ruộng của ai thì người chơi ấy được nghỉ chân, khi lò cò qua đó. Nếu lần thứ hai được tậu ruộng, người chơi sẽ cố tình ném “miếng cái” sao cho vào được ô gần với ô ruộng cũ để mỗi khi lò cò qua đó chủ ruộng được nghỉ liên tiếp và lâu hơn. Còn ruộng của người khác, khi đi qua phải lò cò cắt qua mà không được ngã hoặc giẫm vạch, hoặc nếu muốn nghỉ ngơi thì phải xin phép chủ ruộng hoặc phải nộp công chủ ruộng bằng một cái búng tai (sau nhiều lần xin nghỉ chủ ruộng sẽ tính rồi búng luôn một lần).

Đối với kiểu ô chơi có hình tròn xen kẽ:

+ Cách này với phù hợp với người chơi nhỏ tuổi, vì chỉ phải lò cò ở các ô tròn và được để hai chân ở ô hình chữ nhật. Đến ô số 8 và ô số 9 thì nhảy quay người lại, đổi chân đứng so với chân trước đó.

+ Khi tậu ruộng có thể đứng trên các ô số 8 và ô số 9 hoặc ở chỗ có hoa thị tùy theo thỏa thuận trước khi chơi.



d. Luật chơi:

- Nếu người chơi thấy “miếng cái” mà trúng vào vạch trong các ô hoặc đang đây “miếng cái” trúng vạch hoặc nhảy sang ô khác là mất lượt chơi.

- Khi đang nhặt “miếng cái” hoặc tìm cách đẩy “miếng cái” ra ngoài ở bất cứ ô nào người chơi đều phải trong tư thế lò cò, chân đứng chân co. Nếu thả chân đang co xuống đất, chống tay xuống đất, bò ra đất, mất thăng bằng ngã xuống đất hoặc chạm vạch... là mất lượt chơi.

- Nếu đang chơi mà “miếng cái” cán mức (nằm trên vạch vẽ các ô) thì mất lượt phải đợi đến lượt sau mới được đi tiếp. Khi đến lượt chơi tiếp được tiếp tục thấy “miếng cái” vào ô của lượt chơi trước bị hỏng (ví dụ đang thấy cái đến ô thứ hai mà cái cán mức thì khi đến lượt chơi mới lại được tiếp tục thấy cái vào ô số 2 để chơi tiếp).

(In trong 100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi, NXB Kim Đồng, 2014)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Em hãy cho biết văn bản “Lò cò ô” thuộc loại văn bản nào? (Biết)

- A. Văn bản biểu cảm
- B. Văn bản nghị luận
- C. Văn bản thông tin
- D. Văn bản tự sự

Câu 2: Văn bản “Lò cò ô” cung cấp được những thông tin cơ bản nào? (Biết)

- A. Mục đích, ý nghĩa; chuẩn bị; hướng dẫn cách chơi; luật chơi
- B. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, luật chơi
- C. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt
- D. Mục đích, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

Câu 3: Văn bản hướng dẫn bao nhiêu cách chơi lò cò ô khác nhau? (Biết)

- A. 1 cách chơi
- B. 2 cách chơi
- C. 3 cách chơi
- D. 4 cách chơi

Câu 4: Ý nào **không đúng** khi nói về mục đích của trò chơi lò cò ô? (Biết)

- A. Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng cho người chơi.
- B. Góp phần rèn luyện khả năng di chuyển nhanh nhẹn cho người chơi.
- C. Góp phần rèn luyện tính chăm chỉ cho người chơi.
- D. Góp phần rèn luyện tính khéo léo cho người chơi.

Câu 5: Thông tin trong mục “**Hướng dẫn cách chơi**” được triển khai theo cách nào? (Hiểu)

- A. Theo trật tự thời gian
- B. Theo quan hệ nhân quả
- C. Theo mức độ quan trọng của thông tin
- D. Theo trình tự không gian

Câu 6: Cụm từ “tậu ruộng” được sử dụng trong văn bản nên được hiểu như thế nào? (Hiểu)

- A. Dùng tiền để mua mảnh ruộng
- B. Giành được phần thưởng trong lượt chơi
- C. Giành chiến thắng cuối cùng trong trò chơi
- D. Thu hoạch nhiều sản phẩm từ mảnh ruộng

Câu 7: Ý nào đúng nhất khi nhận xét về số từ được sử dụng trong câu văn sau? (Biết)

“Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.”

- A. Số từ biểu thị số lượng chính xác
- B. Số từ biểu thị số lượng ước chừng
- C. Số từ biểu thị số thứ tự
- D. Số từ biểu thị số lượng

Câu 8: Các từ ngữ được in đậm trong đoạn trích dưới đây có tác dụng như thế nào trong việc tạo nên sự mạch lạc cho đoạn văn? (Hiểu)

*“Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng **ngón chân cái** và **ngón chân trở** kẹp “miếng cái” **nhảy** hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì **nhảy lò cò** đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.*”

- A. Các từ ngữ giúp miêu tả rõ nét hoạt động của người chơi lò cò ô.

B. Các từ ngữ về chân và hoạt động của chân có tác dụng làm rõ cách chơi lò cò ô.

C. Các từ ngữ cùng trường liên tưởng tạo nên sự liên kết (phép liên tưởng) giữa các câu văn.

D. Các từ ngữ có sự lặp lại dùng để nhấn mạnh ý giữa các câu.

Câu 9: Theo em, trò chơi dân gian ngày nay có còn quan trọng đối với trẻ em hay không? Vì sao? (Vận dụng)

Câu 10: Nêu một vài ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. (Vận dụng)

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn bàn về hiện tượng nghiện game của học sinh hiện nay.

(Vận dụng cao)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	B	0,5
	7	A	0,5
	8	C	0,5
	9	HS trả lời có hoặc không có tầm quan trọng của trò chơi dân gian, có lý giải phù hợp.	1,0
	10	HS nêu được ít nhất 02 ưu điểm của trò chơi dân gian so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ.	1,0
II		VIẾT	4,0

	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:</i> Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> suy nghĩ cá nhân đối với hiện tượng một số bạn nghiện trò chơi điện tử mà không quan tâm đến các hoạt động vui chơi giải trí khác.	0,25
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý:	
	- Thực trạng nghiện trò chơi điện tử của một số học sinh. - Tác hại của việc nghiện trò chơi điện tử. - Nguyên nhân của việc nghiện trò chơi điện tử - Một số giải pháp	2.5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.	0,5

ĐỀ 14

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn/ thơ (năm chữ)	4	0	4		0	2	0		60

2	Viết	Biểu về cảm con người	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			20	5	20	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ (%)			25		35		30		10		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7; THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

T T	Kĩ năng	Nội dung/Đơ n vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thôn g hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1.	Đọc hiểu	Truyện ngắn/ thơ (năm chữ)	* Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản; ngôi kể, đặc điểm của lời kể, sự thay đổi ngôi kể; tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn. - Nhận biết được đặc điểm của thơ: thể thơ, từ ngữ, vần nhịp, bố cục, những hình ảnh tiêu biểu; các yếu tố sự, miêu tả được sử dụng trong thơ. - Nhận biết được biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); các thành phần của câu (thành phần câu được mở rộng) - Xác định được nghĩa của từ. * Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện; nêu được chủ đề, thông điệp của văn bản; hiểu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua	4TN	4TN	2TL	

			ngôn ngữ, giọng điệu và cách kể; phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại. - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ; rút ra chủ đề, thông điệp của tác phẩm; phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp, biện pháp tu từ - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ, một số yếu tố Hán Việt; công dụng của dấu chấm lửng... * Vận dụng: - Thể hiện được ý kiến, quan điểm về những vấn đề đặt ra trong ngữ liệu. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.				
2	Viết	Biểu cảm về con người	Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về văn biểu cảm. Thông hiểu: Viết đúng về nội dung, về hình thức (từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản) Vận dụng: Viết được bài văn Biểu cảm về con người.				1 TL*

			Bố cục rõ ràng, mạch lạc ; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện cảm xúc của bản thân về người mẹ kính yêu của mình. Vận dụng cao: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn từ ngữ, hình ảnh để bày tỏ tình cảm, cảm xúc về người mẹ kính yêu của mình.				
Tổng				4TN	4TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				25	35	30	10
Tỉ lệ chung (%)				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện yêu cầu:

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về*

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu*

*Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã vơi dần cơn mưa
Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi.*

(Sang thu, Hữu Thỉnh)

Câu 1. Bài thơ trên sử dụng thể thơ nào?

A. Bốn chữ

B. Năm chữ

C. Tự do

D. Tám chữ

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ trên.

- A. Tự sự B. Miêu tả C. **Biểu cảm** D. Nghị luận

Câu 3: Sự biến đổi của đất trời lúc sang thu được nhà thơ cảm nhận lần đầu tiên từ đâu?

- A. Từ một mùi hương B. Từ một cơn mưa
C. Từ một đám mây D. Từ một cánh chim

Câu 4: Hai câu thơ “Sương chùng chình qua ngõ - Hình như thu đã về” sử dụng phép tu từ nào?

- A. Nhân hóa B. Ẩn dụ C. Hoán dụ D. Điệp từ

Câu 5: Từ “chùng chình” được hiểu thế nào?

- A. Đi rất chậm, dò từng bước một
B. Đi rất nhanh, vừa đi vừa nghiêng ngả
C. **Ngập ngừng như không muốn đi**
D. Ẩn giấu nhiều điều không muốn nói

Câu 6: Ý nào nói đúng cảm xúc của tác giả trong bài thơ Sang thu?

- A. Hồn nhiên, tươi trẻ B. Lãng mạn, thanh thoát
C. Mới mẻ, tinh tế D. **Mộc mạc, chân thành**

Câu 7: Trong bài thơ trên, hình ảnh thiên nhiên vào thời điểm giao mùa hạ- thu có đặc điểm gì?

- A. Sôi động, náo nhiệt B. Bình lặng, ngưng đọng
C. Xôn xao, rộn rang D. **Nhẹ nhàng, giao cảm**

Câu 8: Ý nào sau đây nêu được nét đặc sắc nhất về nghệ thuật của bài thơ trên?

- A. Sử dụng câu ngắn gọn, chính xác
B. **Sáng tạo những hình ảnh giàu ý nghĩa, triết lý**
C. Sáng tạo những hình ảnh quen thuộc mà vẫn mới mẻ, gợi cảm
D. Sử dụng đa dạng, phong phú phép so sánh, ẩn dụ

Câu 9: Có ý người cho rằng hình ảnh “sấm” và “hàng cây đứng tuổi” là hình ảnh ẩn dụ. Em có đồng ý với ý kiến đó không, tại sao?

Câu 10: Bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh là bức thông điệp lúc giao mùa, em hãy trình bày mạch cảm xúc của bài thơ.

II. VIẾT (4,0 điểm)

*Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

Dựa vào nội dung bài ca dao trên, em hãy viết một bài văn trình bày cảm xúc của em về người mẹ kính yêu của mình.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	C	0,5
	3	A	0,5
	4	A	0,5
	5	C	0,5
	6	D	0,5
	7	D	0,5
	8	B	0,5
	9	Sấm và hình ảnh hàng cây đứng tuổi ở đây chính là hình ảnh ẩn dụ, chứa đựng suy nghĩ và triết lý về con người và cuộc đời.	0,25
		- Hình ảnh ẩn dụ “sấm”:	0,25
		- Nghĩa thực: hiện tượng tự nhiên của thời tiết. -> Hình ảnh thực của tự nhiên sang thu sấm thưa thớt, không còn dữ dội làm lay động hàng cây nữa. - Nghĩa ẩn dụ: Những vang động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời	
		- Hình ảnh ẩn dụ “Hàng cây đứng tuổi”	0,25

		- Nghĩa thực: hình ảnh tả thực của tự nhiên về những cây cổ thụ lâu năm. - Nghĩa ẩn dụ: thế hệ những con người từng trải đã từng vượt qua những khó khăn, những thăng trầm của cuộc đời. => Cả hai câu thơ: “<i>Sấm cũng bớt bất ngờ/ Trên hàng cây đứng tuổi</i>” để nói về lắng đọng rất suýt để nhận ra xao động mơ hồ huyền ảo của thiên nhiên và những sự xôn xao, băng khuâng sâu lắng con người. Hai câu thơ cuối nói về hình ảnh con người trải qua biến cố thử thách sẽ có kinh nghiệm, trở nên hiểu mình, hiểu người và hiểu đời hơn.	0,25
	10	Mạch cảm xúc của bài thơ: <i>Sang thu</i> là bức thông điệp lúc giao mùa, mùa hạ dần qua, mùa thu tới, khoảnh khắc ấy được diễn tả bằng sự rung cảm tinh tế, những trải nghiệm sâu sắc của nhà thơ. Mạch cảm xúc xuyên suốt với nội dung độc đáo nổi bật: cảm nhận về thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa và suy ngẫm về đời người khi sang thu.	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. <i>Đảm bảo bố cục bài văn biểu cảm về con người gồm 3 phần: MB, TB, KB.</i>	0,25
		b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Biểu cảm về người mẹ kính yêu của mình.	0,25
		c. Trình bày cảm xúc của em về người mẹ kính yêu của mình	3,0
		1. Mở bài: - Giới thiệu được người mẹ mà em yêu quý nhất - Tình cảm, ấn tượng của em về mẹ. 2. Thân bài a. Giới thiệu một vài nét tiêu biểu về mẹ: Mái tóc, giọng nói, nụ cười, ánh mắt - Hoàn cảnh kinh tế gia đình ... công việc làm của mẹ, tính tình, phẩm chất. b. Tình cảm của mẹ đối với những người xung quanh - Ông bà nội, ngoại, với chồng con ... - Với bà con họ hàng, làng xóm ... c. Gợi lại những kỉ niệm của em với mẹ. - Nêu những suy nghĩ và mong muốn của em đối với mẹ. 3. Kết bài: - Ấn tượng, cảm xúc của em đối với mẹ - Liên hệ bản thân ... lời hứa.	0,5
		d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25

		e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn từ ngữ, hình ảnh thơ giàu sắc thái biểu cảm.	0,25
--	--	---	------

ĐỀ 15

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Thơ/Tùy bút	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ (%)			20		40		30		10		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ n biết	Thô ng hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1.	Đọc hiểu	Thơ/Tùy bút	* Thơ - Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh,	3TN	5TN	2TL	

			văn, nhịp, biện pháp tu từ. - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB. - Hiểu được khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ ngữ đúng với ngữ cảnh. - Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước. * Tùy bút - Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của VB. - Nhận biết được sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ các vùng miền. - Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.				
2	Viết	Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc	- Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.				1 TL *
Tổng				3 TN	5 TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung (%)				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc kỹ phần trích và trả lời các câu hỏi:

(...) Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng

trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...

(...) Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hắt, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại, lại nức một mùi hương man mác. (...)

(Trích “Mùa xuân của tôi” – Vũ Bằng)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên?

- A. Biểu cảm.
- B. Miêu tả.
- C. Nghị luận.
- D. Tự sự.

Câu 2. Tác giả đã tái hiện cảnh sắc thiên nhiên và không khí mùa xuân của vùng nào?

- A. Miền Bắc.
- B. Miền Trung.
- C. Miền Nam.
- D. Tây Nguyên.

Câu 3. Câu văn nào thể hiện rõ nhất tình cảm yêu mến của tác giả đối với mùa xuân Hà Nội?

- A. “Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến”.
- B. “Mùa xuân của tôi [...] là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh [...]”.
- C. “Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hắt [...]”.
- D. “[...] Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng [...]”.

Câu 4. Trong câu văn: “Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong” từ “phong” có nghĩa là gì?

- A. Bọc kín.
- B. Oai phong.
- C. Con gió.
- D. Đẹp dễ.

Câu 5. Trong đoạn trích trên, tác giả yêu thích nhất mùa xuân vào thời điểm nào?

- A. Sau rằm tháng giêng.
- B. Vào ngày mừng một đầu năm.
- C. Trong khoảng vài ba ngày Tết.
- D. Trước rằm tháng giêng.

Câu 6. Câu nào **không** nêu đúng đặc điểm thiên nhiên mùa xuân ở xứ Bắc trong đoạn trích trên?

- A. Gió đông về, báo hiệu mùa xuân mới đã bắt đầu.
- B. Ra giếng, trời đã hết nồm, mưa xuân thay thế cho mưa phùn.
- C. Trời có mưa riêu riêu và gió lạnh lạnh.
- D. Cỏ tháng giếng nức một mùi hương man mác.

Câu 7. Xác định biện pháp tu từ được tác giả sử dụng nổi bật ở trong phần trích trên?

- A. Điệp ngữ.
- B. Nhân hóa.
- C. Ẩn dụ.
- D. So sánh.

Câu 8. Dấu gạch ngang trong câu: “*Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lạnh lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...*” dùng để làm gì?

- A. Đánh dấu ranh giới giữa các vế của một câu ghép.
- B. Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.
- C. Đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê.
- D. Nối các từ nằm trong một liên danh.

Câu 9. Vào mùa xuân, đặc biệt dịp lễ, Tết, nhân dân thường có tục lệ dâng những sản vật, thức quý lên bàn thờ ông bà, tổ tiên. Em hãy kể tên một văn bản cũng gợi nhắc đến truyền thống này của dân tộc.

Câu 10. Nói về mùa xuân, Vũ Bằng đã viết “*Tự nhiên là thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trù mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân*”.Nêu quan điểm riêng của em về mùa xuân và lí giải điều đó?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	A	0,5
	3	A	0,5

	4	A	0,5
	5	A	0,5
	6	A	0,5
	7	A	0,5
	8	A	0,5
	9	Truyện thuyết "Bánh chưng, bánh giầy".	0,5
	10	Học sinh nêu được quan điểm riêng của bản thân: đồng ý/không đồng ý. Lí giải phù hợp.	0,5 1,5
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.	0,25
		<i>c. Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.</i> HS viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: • Giới thiệu được đối tượng biểu cảm (con người hoặc sự việc) và nêu được ấn tượng ban đầu về đối tượng đó. • Nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người, sự việc đó để lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em, • Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người hoặc sự việc được nói đến. • Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc.	3,0
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, bài viết lôi cuốn, hấp dẫn.	0,25

ĐỀ 16

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	

			TN K Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	- Tản văn, tùy bút	5	0	3	0	0	2	0		60
2	Viết	Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			25	5	15	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông g hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	- Tản văn, tùy bút	Nhận biết - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tùy bút, tản văn. - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng	5 TN	3TN	2TL	

		ngôn ngữ của tùy bút, tản văn. - Xác định được phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). Thông hiểu: - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn. - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng: - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tùy bút, tản văn. - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng				
--	--	---	--	--	--	--

			tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn.				
2	Viết	Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân.				1 TL *
Tổng				5TN	3TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				30	30	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU. (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

CÁNH ĐIỀU TUỔI THƠ

“Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh điều. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả điều thi. Cánh điều mềm mại như cánh bướm. Chúng tôi vui sướng đến phát dại nhìn lên trời. Tiếng sáo điều vi vu trầm bổng. Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè,... như gọi thấp xuống những vì sao sớm. Ban đêm, trên bãi thả điều thật không còn gì huyền ảo hơn. Có cảm giác điều đang trôi trên dải Ngân Hà. Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ. Có cái gì cứ cháy lên, cháy mãi trong tâm hồn chúng tôi. Sau này tôi mới hiểu đấy là khát vọng. Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên áo xanh bay xuống từ trời và bao giờ cũng hi vọng khi tha thiết cầu xin: “Bay đi điều ơi! Bay đi!”. Cánh điều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.

Câu 1: Cho biết đoạn ngữ liệu trên thuộc thể loại văn bản nào ? (Biết)

- A. Tùy bút
- B. Hồi kí
- C. Truyện
- D. Tản văn

Câu 2: Nối cột A tương ứng với cột B về đặc điểm thể loại của văn bản (Biết)

A	B
1. Tùy bút	A. Các tác phẩm tự sự nói chung có nhân vật, cốt truyện và lời kể.
2. Tản văn	B. Là ghi chép lại bằng trí nhớ những sự việc đã xảy ra đối với bản thân trong quá khứ đã để lại ấn tượng mạnh.
3. Truyện	C. Là thể loại thuộc loại hình kí, trong đó tác giả ghi chép lại các sự việc được quan sát và suy ngẫm về cảnh vật, con người xung quanh.
4. Hồi kí	D. Bộc lộ trực tiếp suy nghĩ, cảm xúc của người viết qua các hiện tượng, đời sống thường nhật.

Câu 3: Tuổi thơ của tác giả gắn với hình ảnh nào? (Biết)

- A. Dòng sông
- B. Cánh điều
- C. Cánh đồng
- D. Cánh cò

Câu 4: Trong câu “Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ” có cụm từ “một thảm nhung khổng lồ” thuộc cụm từ nào sau đây? (Biết)

- A. Cụm danh từ
- B. Cụm động từ
- C. Cụm tính từ
- D. Không phải là cụm từ loại

Câu 5: Trong các câu sau, câu nào có chứa trạng ngữ? (Biết)

- A. Cánh điều mềm mại như cánh bướm
- B. Tiếng sáo điều vi vu trầm bổng.
- C. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả điều thi.
- D. Cánh điều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.

Câu 6: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: (Hiểu)

Thông qua “*Cánh diều tuổi thơ*”, tác giả Tạ Duy Anh muốn nói đến sống của con người như những cánh diều bay trên bầu trời rộng lớn, thỏa sức mình, nỗ lực chiến đấu cho cuộc đời.

- A. Khát vọng
- B. Nghị lực
- C. Niềm vui
- D. Sức mạnh

Câu 7: Câu “*Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên xanh...*” cho thấy tâm hồn đứa trẻ như thế nào? (Hiểu)

- A. Trẻ em sẽ có tâm hồn yếu đuối.
- B. Trẻ em hay dễ ảo tưởng.
- C. Trẻ em thấy bản thân luôn nhỏ bé.
- D. Trẻ em có tâm hồn mộng mơ.

Câu 8: Nhan đề văn bản nêu lên nội dung gì? (Hiểu)

- A. Nêu vấn đề cần phải giữ gìn trò chơi dân gian
- B. Nêu lên ý nghĩa của cánh diều đối với tuổi thơ
- C. Nêu hình ảnh xuyên suốt văn bản
- D. Nêu lên ước mơ của con người lúc tuổi thơ.

Câu 9: Tuổi thơ của mỗi đứa trẻ thường gắn với những trò chơi thú vị? Hãy trình bày cảm nhận về một trò chơi đã gắn bó với tuổi thơ em?

Câu 10: Em có đồng ý với ý kiến sau không: “*Cánh diều có thể khơi dậy niềm vui sướng và ước mơ của tuổi thơ*”? Hãy nêu vai trò của ước mơ trong đời sống con người.

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn cảm nghĩ về mái trường của em. (Vận dụng cao)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5

	2	1C,2D,3A,4B	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	C	0,5
	6	A	0,5
	7	D	0,5
	8	D	0,5
	9	- HS có thể trình bày những cảm nhận về trò chơi gắn bó với tuổi thơ em ở những ý khác nhau. - GV linh hoạt trong quá trình chấm điểm. Gợi ý: - Giới thiệu được trò chơi. - Bày tỏ được tình cảm của bản thân với những kỉ niệm gắn bó trò chơi ấy.	1,0
	10	- HS có thể trả lời đồng tình hoặc không đồng tình, nhưng phải lí giải hợp lí. (<i>GV linh hoạt trong quá trình chấm điểm</i>) - Vai trò của ước mơ: (HS trình bày ngắn gọn theo ý). + Ước mơ tạo cho con người niềm say mê và thích thú theo đuổi công việc của mình. + Là mục tiêu phấn đấu để không bao giờ cảm thấy nhàm chán. + Ước mơ khiến con người trở nên vĩ đại hơn bởi vì được xây dựng bởi lí tưởng và tâm hồn của những con người biết khát khao, biết cố gắng .	1,0
II		VIẾT (<i>Vận dụng cao</i>)	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm: có Mở bài giới thiệu về ngôi trường và tình cảm dành cho trường mình, thân bài triển khai được tình cảm của em về vẻ đẹp của ngôi trường, tình cảm gắn bó của em với thầy cô, bạn bè, trường lớp..., kết bài khái quát cảm nghĩ của em dành cho mái trường.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: cảm nghĩ cá nhân đối với mái trường của em.</i>	0,25
		<i>c. Triển khai các ý cho bài văn biểu cảm.</i>	

		HS triển khai các ý theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt cách bộc lộ cảm xúc thông qua vẻ đẹp của ngôi trường, tình cảm gắn bó của em với thầy cô, bạn bè, trường lớp... Sau đây là một số gợi ý:	
		- Bộc lộ cảm xúc chung với mái trường của em. - Cảm nghĩ của em qua vài nét ấn tượng về vẻ đẹp của ngôi trường: Hàng phượng vĩ xanh tốt; Những dãy phòng học... - Cảm nghĩ về những kỉ niệm sâu sắc với ngôi trường. • Ngày đầu tiên tới trường (bỡ ngỡ, rụt rè...) • Kỉ niệm với bạn bè: (chia nhau cái bánh, cái kẹo, giúp đỡ nhau học tập, gắn bó như anh em...) • Kỉ niệm với thầy cô: dạy dỗ em nên người, hình thành nhân cách, quan tâm tới học sinh, truyền đạt những kiến thức bổ ích... - Khẳng định tình cảm, cảm xúc của em dành cho mái trường.	2.5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời văn biểu cảm sinh động, sáng tạo.	0,5

ĐỀ 17

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	

hamhochoi.vn - DIỄN ĐÀN TÀI LIỆU, GIÁO ÁN, BÀI GIẢNG, ĐỀ THI...

			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	- Văn bản nghị luận	5	0	3	0	0	2	0		60
2	Viết	Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			25	5	15	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơ n vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ n biết	Thôn g hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	- Văn bản nghị luận	Nhận biết: - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học. Thông hiểu: - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản. - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: ẩn dụ, so sánh, liệt kê, nói quá, nói giảm nói tránh...; Vận dụng: - Thể hiện được thái độ của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản. - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.	5 TN	3TN	2TL	
2	Viết	Phát biểu cảm nghĩ về con người	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao:				1TL *

		hoặc sự việc.	Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân.				
Tổng				5 TN	3TN	2TL	1 TL
Tỉ lệ %				30	30	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

THỜI GIAN LÀ VÀNG

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

(Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì? (Biết)

- A. Thuyết minh
- B. Nghị luận
- C. Tự sự
- D. Biểu cảm

Câu 2: Theo em văn bản trên thời gian có mấy giá trị? (Biết)

- A. 2 giá trị
- B. 3 giá trị
- C. 4 giá trị
- D. 5 giá trị

Câu 3: Theo tác giả nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho ai? (Biết)

- A. Cho bản thân
- B. Cho xã hội
- C. Cho bản thân và xã hội
- D. Cho bản thân và gia đình

Câu 4: Câu “Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi.” trong đoạn văn: “Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.” là câu mang luận điểm? (Biết)

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 5: Câu “Thời gian là sự sống” sử dụng biện pháp tu từ nào? (Biết)

- A. Nhân hóa.
- B. So sánh
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

Câu 6: Văn bản trên bàn về vấn đề gì? (Hiểu)

- A. Bàn về giá trị của sự sống.
- B. Bàn về giá trị của sức khỏe.
- C. Bàn về giá trị của thời gian.
- D. Bàn về giá trị của tri thức.

Câu 7: Nêu tác dụng của phép điệp ngữ “Thời gian” trong văn bản trên? (Hiểu)

- A. Nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian đối với con người.
- B. Nói lên giá trị quý báu của thời gian đối với con người.
- C. Nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian
- D. Nói lên giá trị quý báu của thời gian đối với con người và sự vật.

Câu 8: Từ “tri thức” được sử dụng trong văn bản trên được hiểu như thế nào? (Hiểu)

- A. Tri thức bao gồm những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi.
- B. Tri thức bao gồm những thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi.
- C. Tri thức là những kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua học hỏi từ sách vở hoặc trong cuộc sống.

D. Tri thức lãnh hững kiến thức, thông tin, sự hiểu biết có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi.

Câu 9: Theo em, tại sao tác giả cho rằng: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được? (Vận dụng)

Câu 10: Bài học em rút ra được từ văn bản trên? (Vận dụng)

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Phát biểu cảm nghĩ về người người thân (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em, ...).

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
c	1	B	0,5
	2	D	0,5
	3	C	0,5
	4	B	0,5
	5	B	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	A	0,5
	9	Học sinh có thể lí giải: - Thời gian là vàng vì thời gian quý như vàng - Vàng mua được: vàng là thứ vật chất hữu hình, dù có đẹp, có giá trị đến đâu vẫn có thể trao đổi, mua bán được. - Thời gian không mua được: thời gian là thứ vô hình không thể nắm bắt, đã đi là không trở lại.	1,0
	10	Học sinh biết rút ra được bài học cho bản thân (quý trọng thời gian, sử dụng thời gian hợp lí...).	1,0
II		VIẾT	4,0
-		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:</i> Mở bài giới thiệu đối tượng, thân bài biểu lộ được cảm xúc suy nghĩ về đối tượng, kết bài khẳng định lại tình cảm về đối tượng.	0,25
		b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Biểu cảm về người thân	0,25
		c. <i>Triển khai vấn đề</i> HS biểu cảm bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:	2,5

		- Giới thiệu đối tượng, - Biểu lộ được cảm xúc suy nghĩ về đối tượng: + Ngoại hình. + Tính cách. + Một số kỉ niệm mà em nhớ + Vai trò của người thân. - Khẳng định tình cảm của bản thân với đối tượng	
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời văn biểu cảm sinh động, sáng tạo.	0,5

ĐỀ 18

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc	Thơ bốn chữ, năm chữ.	5	0	3	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40

		hoặc sự kiện lịch sử.									
Tổng			25	5	15	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ)	Nhận biết: - Nhận biết được từ ngữ, thể thơ, các biện pháp tu từ trong bài thơ. - Nhận diện được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự và miêu tả được sử dụng trong bài thơ. - Xác định được phó từ. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.	5 TN	3TN	2TL	

			- Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. Vận dụng: - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về thiên nhiên, con người; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.				
2	Viết	Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.	1*	1*	1*	1 TL*
Tổng				5 TN	3 TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				30	30	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC- HIỂU (6.0 điểm)

Đọc ngữ liệu và thực hiện các yêu cầu dưới đây:

Chiều sông Thương

*Đi suốt cả ngày thu
Vẫn chưa về tới ngõ
Dùng dăng hoa quan họ
Nở tím bên sông Thương*

*Nước vẫn nước đôi dòng
Chiều vẫn chiều lười hái
Những gì sông muốn nói
Cánh buồm đang hát lên*

*Đám mây trên Việt Yên
Rủ bóng về Bồ Hạ
Lúa cúi mình giấu quả
Ruộng bời con gió xanh*

*Nước màu đang chảy ngoan
Giữa lòng nương máng nổi
Mạ đã thò lá mới
Trên lớp bùn sếnh sang*

*Cho sắc mặt mùa màng
Đất quê mình thịnh vượng
Những gì ta gửi gắm
Sắp vàng hoe bốn bên*

*Hạt phù sa rất quen
Sao mà như cổ tích
Mấy cô coi máy nước
Mắt dài như dao cau*

Ôi con sông màu nâu
Ôi con sông màu biếc
Dâng cho mùa sắp gặt
Bồi cho mùa phơi phai

Nắng thu đang trải đầy
Đã trắng non mùi bưởi
Bên cầu con ghé đợi
Cả chiều thu sang sông.

(Hữu Thỉnh - trong *Từ chiến hào đến thành phố*, NXB văn học, Hà Nội, 1991)

Câu 1. Bài thơ trên thuộc thể thơ nào? (Nhận biết)

- A. Thơ bốn chữ
- B. Thơ năm chữ**
- C. Thơ sáu chữ
- D. Thơ bảy chữ

Câu 2. Xác định biện pháp tu từ có trong khổ thơ sau: (Nhận biết)

“Nước màu đang chảy ngoan
Giữa lòng nương máng nổi
Mạ đã thò lá mới
Trên lớp bùn sếnh sang”

- A. So sánh
- B. Nhân hóa**
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

Câu 3. Cảnh vật trong bài thơ được miêu tả qua những màu sắc nào? (Nhận biết)

- A. Tím, xanh, vàng, nâu**
- C. Xanh, tím, đen, trắng
- B. Đỏ, xanh, vàng, nâu
- D. Trắng, vàng, nâu, tím

Câu 4. Bài thơ nói về mùa nào trong năm? (Nhận biết)

- A. Xuân
- B. Thu**
- C. Hạ
- D. Đông

Câu 5. Cảm xúc của nhà thơ được bộc lộ như thế nào qua khổ thơ sau: (Thông hiểu)

“Ôi con sông màu nâu
Ôi con sông màu biếc
Dâng cho mùa sắp gặt
Bồi cho mùa phơi phai”

- A. Bồi hồi, xao xuyến**
- B. Đau đớn, xót xa
- C. Nhớ nhung, tiếc nuối
- D. Vui mừng, phấn khởi

Câu 6. Giọng điệu chính của bài thơ trên được thể hiện như thế nào? (Thông hiểu)

- A. Sôi nổi, hào hứng
- B. Nhẹ nhàng, trong sáng
- C. Trang trọng, thành kính
- D. Thiết tha, xúc động**

Câu 7. Em hiểu từ “*dùng dằng*” trong hai câu thơ sau có nghĩa là gì? (Thông hiểu)

*“Dùng dằng hoa quan họ
Nở tím bên sông Thương”*

- A. Ung dung, thoải mái
- B. Rụt rè, ngập ngừng
- C. Chậm chạp, thông thả
- D. Lưỡng lự, không quyết đoán**

Câu 8. Trong khổ thơ sau có bao nhiêu phó từ?(Nhận biết)

*“Nước màu đang chảy ngoan
Giữa lòng nương máng nổi
Mạ đã thò lá mới
Trên lớp bùn sến sang”*

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 9. Nêu cảm xúc của em sau khi đọc xong bài thơ trên (viết không quá 5 dòng).
(Vận dụng)

Câu 10. Kể ra 2 hành động cụ thể của em để thể hiện tình yêu đối với quê hương đất nước. (Vận dụng)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy viết một bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. (Vận dụng cao)

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	B	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5
	7	D	0,5

	8	B	0,5
	9	HS có thể trình bày được những suy nghĩ, nhận thức riêng, song cần xoáy quanh các ý trọng tâm sau: - Bức tranh đẹp về quê hương - Cảm xúc yêu quý, tự hào, hãnh diện của nhà thơ về con sông quê hương mình. - Cảm xúc của HS: yêu quê hương đất nước mình,...	0,5 0,5
	10	HS nêu hành động cụ thể để thể hiện tình yêu đối với quê hương đất nước. Có thể diễn đạt bằng nhiều cách: - Chăm chỉ học tập và lao động, phấn đấu thành con ngoan trò giỏi. - Kế thừa và tiếp nối những truyền thống quý báu của dân tộc khi trở thành chủ nhân của đất nước. - ...	0,5 0,5
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	0,25
		<i>c. Triển khai nội dung bài văn tự sự</i> HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần lựa chọn chi tiết, thông tin chọn lọc, tin cậy về sự việc. Đồng thời, vận dụng tốt kĩ năng kể chuyện có kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết; sau đây là một số gợi ý:	2,5
		- Giới thiệu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. - Nêu được không gian, thời gian diễn ra sự việc. - Gợi lại bối cảnh câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/sự kiện - Thuật lại nội dung/diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. - Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật và sự kiện. - Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về nhân vật/sự kiện.	
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, gợi cảm, sáng tạo.	0,5

